THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CÔNG TY CỔ PHẦN

(Giấy đăng ký kinh doanh số: 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp đăng ký lần đầu ngày 26/11/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 02/01/2019)

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CÔNG TY CỔ PHẦN

Trụ sở chính : Số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : 028 3636 7449 Fax: 028 3636 7450

Website : www.genco3.com

NGƯỜI PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Ông Đinh Quốc Lâm

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Điện thoại : 028 3636 7449 Fax: 028 3636 7450

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU....3

PHẦN I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG....4

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN....4

II. CÁC KHÁI NIỆM....4

III. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN....5

1. Giới thiệu chung về công ty đại chúng....5
2. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh....6
3. Quá trình hình thành và phát triển....8
4. Quá trình tăng vốn....8
5. Cơ cấu cổ đông....8

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA TỔNG CÔNG TY....9

1. Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty....9
2. Diễn giải chi tiết....10
3. Cơ cấu quản lý của Tổng Công ty Phát điện 3....11

V. DANH SÁCH VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG....13

1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% cổ phần tại ngày 20/08/2018....13
2. Danh sách cổ đông sáng lập tại ngày 20/8/2018....13
3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 20/08/2018....13

VI. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY; NHỮNG CÔNG TY MÀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI; NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI CÔNG TY....13

1. Các đơn vị trực thuộc tại ngày 01/10/2018....13
2. Các công ty con tại ngày 01/10/2018....14
3. Các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 01/10/2018....15

VII. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH....15

1. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính....15
2. Công tác sản xuất điện....16

3. Nguyên vật liệu....18
4. Các hợp đồng kinh tế lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết....18
VIII. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH....19
1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty giai đoạn 2016 - 06 tháng đầu năm 2018....19
2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm báo cáo....22
IX. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC CÙNG NGÀNH.23
1. Triển vọng phát triển của ngành....23
2. Vị thế của Công ty trong ngành....26
X. CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG....27
1. Số lượng người lao động trong Công ty và cơ cấu lao động....27
2. Chính sách đối với người lao động....28
XI. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC....29
XII. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH....30
1. Các thông tin tài chính cơ bản....30
2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu....34
XIII. TÀI SẢN....34
1. Tài sản cố định....34
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang....35
XIV. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM TIẾP THEO....35
XV. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔNG CÔNG TY....38
XVI. CHIẾN LƯỢC, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH....38
XVII. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIỆN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY....40
PHẦN II. QUẢN TRỊ CÔNG TY....42
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ....42
II. BAN KIỂM SOÁT....48
III. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ....52

IV.KẾ HOẠCH TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY.....59

PHẦN III. PHỤ LỤC.....59

I. Phụ lục 01: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty.....59

II. Phụ lục 02: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty 59

III. Phụ lục 03: BCTC đã được kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC 06 tháng đầu năm 2018 của Tổng Công ty.....59

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.....6
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% cổ phần tại ngày 20/08/2018.....13
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại ngày 20/08/2018.....13
Bảng 4: Tổng sản lượng điện sản xuất 2015-30/09/2018.....16
Bảng 5: Tổng công suất lắp đặt các nhà máy điện EVNGENCO 3.....17
Bảng 6: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.....19
Bảng 7: Cơ cấu doanh thu thuần.....21
Bảng 8: Các chi phí chủ yếu và cơ cấu chi phí trong giá thành.....21
Bảng 9: Các nhà máy điện dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2018 và 2019.....24
Bảng 10: Sản lượng điện sản xuất của EVNGENCO 3 so với cả nước.....27
Bảng 11: Cơ cấu lao động.....27
Bảng 12: Thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình.....30
Bảng 13: Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình.....30
Bảng 14: Số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.....31
Bảng 15: Số dư các quỹ.....32
Bảng 16: Số dư các khoản vay.....32
Bảng 17: Số dư các khoản phải thu ngắn hạn.....32
Bảng 18: Số dư các khoản phải thu dài hạn.....33
Bảng 19: Các khoản phải trả ngắn hạn (không bao gồm vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn).....33
Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....34
Bảng 21: Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2017.....34
Bảng 22: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.....35
Bảng 23: Dự kiến kế hoạch SXKD của EVNGENCO 3 giai đoạn 2018-2020.....35
Bảng 24: Kế hoạch đầu tư các dự án điện.....39
Bảng 25: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.....42
Bảng 26: Danh sách thành viên BKS.....48
Bảng 27: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý cấp cao.....52

PHẦN I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Tổ chức đăng ký công ty đại chúng: Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần

Ông: Đinh Quốc Lâm Chức vụ: Tổng Giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản thông tin tóm tắt này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

II. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản thông tin tóm tắt này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Công ty: Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần (gọi tắt là EVNGENCO 3).

Cổ đông: Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của EVNGENCO 3.

Vốn điều lệ: Số vốn do tất cả cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ của EVNGENCO 3.

Cổ phần: Vốn điều lệ của EVNGENCO 3 được chia thành nhiều phần bằng nhau.

Cổ phiếu: Chứng chỉ do EVNGENCO 3 phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng Công ty.

Cổ tức: Số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận sau thuế của EVNGENCO 3 để chia cho cổ đông.

Điều lệ: Điều lệ của EVNGENCO 3 đã được Đại hội đồng cổ đông lần đầu của Tổng Công ty thông qua tháng 09/2018.

Người liên quan: Cá nhân hoặc Tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- Công ty mẹ và công ty con (nếu có);
- Công ty và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của Công ty thông qua các cơ quan quản lý Công ty;
- Công ty và những người quản lý Công ty;
- Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thâu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty;
- Bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, cháu, con nuôi, anh, chị em ruột của người quản lý doanh nghiệp hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối.

Ngoài ra, những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 năm 2006 của Quốc hội và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản thông tin tóm tắt này có nội dung như sau:

- BCTC : Báo cáo tài chính
- DTT : Doanh thu thuần
- HĐKD : Hoạt động kinh doanh
- TSLĐ : Tài sản lưu động
- ĐVT : Đơn vị tính
- EVN : Tập đoàn điện lực Việt Nam
- VĐL : Vốn điều lệ
- CTCP : Công ty cổ phần
- TMCP : Thương mại cổ phần
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BGĐ : Ban giám đốc
- BKS : Ban kiểm soát
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- Thuế TNDN : Thuế thu nhập doanh nghiệp

III. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1. Giới thiệu chung về công ty đại chúng

- Tên Công ty: **TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CÔNG TY CỔ PHẦN**
- Tên viết tắt: **EVNGENCO 3 / GENCO 3**
- Mã chứng khoán: **PGV** (UPCoM)
- Trụ sở: Số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Giấy CN ĐKDN: Số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26/11/2012, đăng

	ký thay đổi lần thứ 6 ngày 02/01/2019
▪ Vốn điều lệ:	10.699.695.770.000 đồng
▪ Khối lượng cổ phiếu đang đăng ký giao dịch:	7.149.644 cổ phiếu
▪ Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành:	1.069.969.577 cổ phiếu

2. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số: 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp đăng ký lần đầu ngày 26/11/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 02/01/2019 thì Tổng Công ty có những ngành nghề kinh doanh như sau:

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của EVNGENCO 3 bao gồm:

STT	Tên ngành
1	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng; Đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án nguồn điện; các dự án năng lương mặt trời, năng lượng tái tạo; Sản xuất và kinh doanh cơ khí điện lực; Quản lý, vận hành dây chuyền sản xuất điện, công trình điện; Khai thác và chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất điện; Sản xuất vật liệu dùng để cách nhiệt bằng thủy tinh; Sản xuất vật liệu cách nhiệt, cách điện
2	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, nâng cấp, cải tạo thiết bị điện, công trình điện
3	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí
4	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Thí nghiệm, hiệu chỉnh, điều khiển, tự động hóa thuộc dây chuyền sản xuất điện, thí nghiệm điện; Kiểm định, kiểm định an toàn các thiết bị, dụng cụ điện, hệ thống đo lường, đo đếm về điện, nhiệt, áp lực
5	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án, tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, lập dự toán; tư vấn thẩm tra và giám sát thi công công trình nguồn điện và công trình lưới điện đồng bộ các dự án nguồn điện; Tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện; tư vấn quản lý dự án; tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng các công trình; tư vấn đấu thầu, lập dự toán và giám sát thi công công trình viễn

	thông- công nghệ thông tin, công trình dân dụng - công nghiệp;
6	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi được sở Lao động- Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện)
7	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán nhiên liệu, nguyên liệu, nguyên vật liệu, vật tư thiết bị ngành điện; Bán buôn tro xỉ
8	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công xây lắp các công trình xây dựng bao gồm: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
9	Xây dựng nhà để ở
10	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
11	Khai thác và thu gom than non
12	Khai thác và thu gom than bùn
13	Khai thác và thu gom than cứng
14	Khai thác khí đốt tự nhiên
15	Khai thác dầu thô
16	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế Chi tiết: Chế biến dầu thô
17	Sản xuất sắt, thép, gang
18	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
19	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
20	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
21	Sản xuất sản phẩm chịu lửa
22	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: Mua bán đồ dùng bảo hộ lao động
23	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ liên quan đến cơ sở hạ tầng phục vụ công trình điện: Cho thuê nhà xưởng, nhà kho
24	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
25	Xây dựng công trình điện
26	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy

Chi tiết: Quản lý, vận hành, sửa chữa và khai thác cảng biển

3. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Phát điện 3 được thành lập theo Quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 01/06/2012 của Bộ Công Thương và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502208399, đăng ký lần đầu ngày 26/11/2012; sửa đổi lần 3 ngày 27/02/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ, các công ty phát điện hạch toán phụ thuộc, các ban quản lý dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại một số công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang hoạt động theo luật doanh nghiệp. Các dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Tổng công ty Phát điện 3 như sau:

- **Năm 2013:** (1) Thành lập Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, (2) Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình;
- **Năm 2014:** Bàn giao Ban QLDA Thủy điện 1 và Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát về lại EVN;
- **Năm 2015:** Thành lập Công ty Nhiệt điện Mông Dương (kiêm Ban QLDA Nhiệt điện 1); tiếp nhận Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ EVNGENCO 2; chuyển chủ đầu tư dự án Vĩnh Tân 4 về lại EVN từ ngày 01/05/2015;
- **Năm 2016:** (1) Thành lập Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO 3, (2) Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ;
- **Năm 2017:** Thành lập Công ty Nhiệt điện Thái Bình (kiêm Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình);
- **Năm 2018:** Cổ phần hóa và chuyển sang hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/10/2018 theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502208399.

4. Quá trình tăng vốn

Từ khi thành lập tới thời điểm hiện nay, Công ty chưa thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

5. Cơ cấu cổ đông

EVNGENCO 3 là công ty hiện đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM, có vốn điều lệ **10.699.695.770.000 đồng**, trong đó cổ đông Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("Tập đoàn" hoặc "EVN") nắm 99,19% vốn điều lệ.

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần, là doanh nghiệp được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con, có tư cách pháp nhân, được chuyển đổi từ công ty TNHH MTV do EVN sở hữu 100% vốn điều lệ sang công ty cổ phần do EVN nắm giữ cổ phần chi phối (EVN sở hữu 99,19%).

EVNGENCO 3 hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, có con dấu, biểu tượng, điều lệ tổ chức và hoạt động, có chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng; trực tiếp thực hiện các hoạt động sản xuất - kinh doanh và đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết.

Cơ cấu tổ chức quản lý của EVNGENCO 3 gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hiện nay gồm 04 thành viên, Ban Tổng giám đốc gồm có 01 Tổng Giám đốc và 05 Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy tham mưu, cụ thể như sau:

- Ban Lãnh đạo gồm: Chủ tịch HĐQT, 03 thành viên HĐQT; Tổng Giám đốc; 05 Phó Tổng Giám đốc phụ trách các lĩnh vực: Kinh tế - Tài chính, Kỹ thuật - Sản xuất, Đầu tư - Xây dựng, Kinh doanh - Thị trường điện, Sửa chữa và Công nghệ.
- Mười hai ban chức năng, gồm: Ban Tổ chức & Nhân sự; Văn phòng - Thanh tra Bảo vệ; Ban Pháp chế; Ban Tài chính - Kế toán; Ban Kế hoạch; Ban Kỹ thuật - Sản xuất; Ban Quản lý Đấu thầu; Ban Quản lý đầu tư xây dựng, Ban Kinh doanh - Thị trường điện; Ban An toàn; Ban Tổng hợp; Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính;

Bộ máy tổ chức của Công ty mẹ - Tổng Công ty được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:

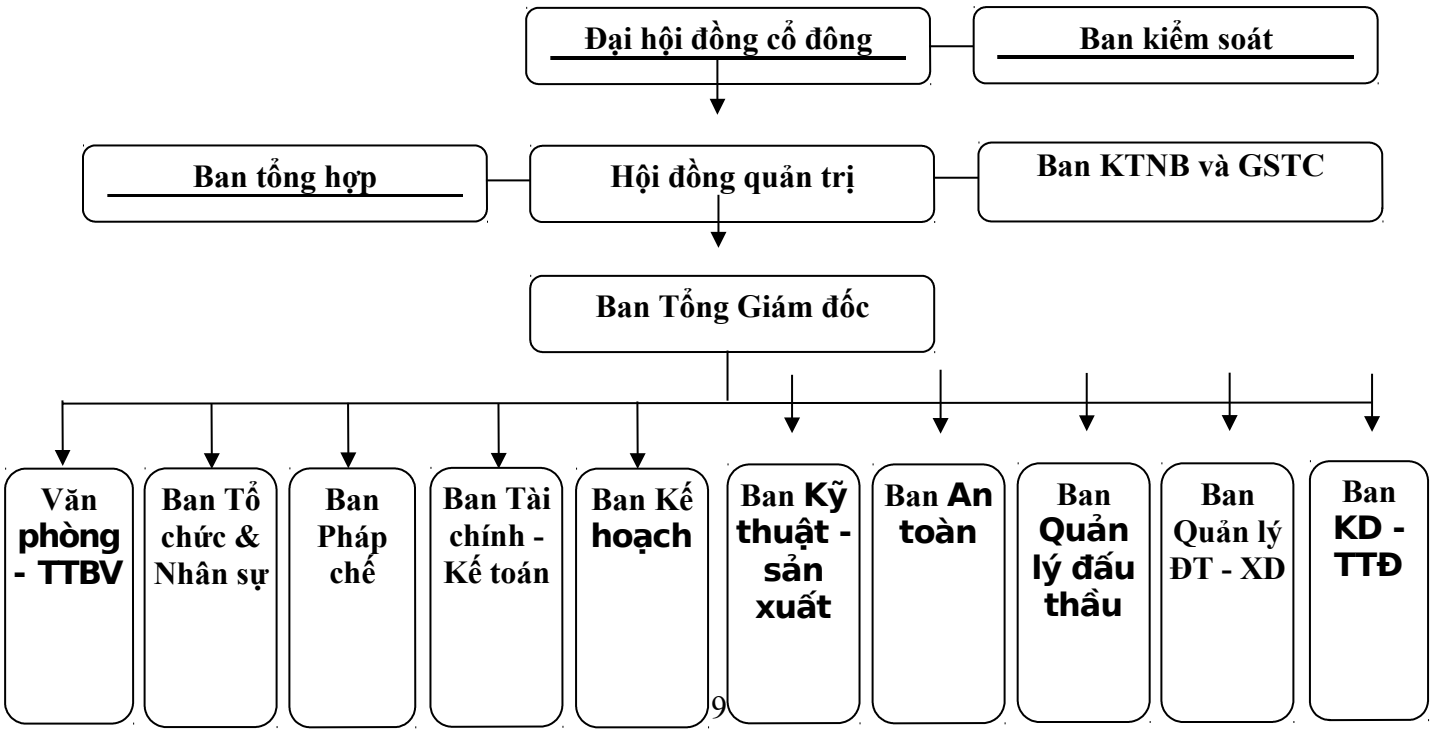

2. Diễn giải chi tiết

2.1. Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định, trong đó có quyền bầu, bãi miễn thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát hoặc các chức danh khác thuộc thẩm quyền quản lý của ĐHĐCĐ.

2.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để giải quyết những vấn đề liên quan đến lợi ích của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị do ĐHĐCĐ quyết định theo từng kỳ Đại hội nhưng không được vượt quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên HĐQT hiện nay là 04 người.

2.3. Ban kiểm soát

Là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính Công ty. BKS hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Bộ máy quản lý.

Số lượng thành viên BKS hiện nay gồm 03 người.

2.4. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Tổng Công ty là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Hiện tại giúp việc cho Tổng Giám đốc có 05 Phó Tổng Giám đốc - tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc trong các hoạt động quản lý, điều hành Tổng công ty theo các lĩnh vực được phân công phụ trách.

2.5. Các phòng, ban chức năng, chi nhánh của Tổng Công ty

Các Ban chức năng chuyên môn: Bao gồm 12 Ban

(1) Văn phòng:	Thực hiện chức năng hành chính, quản trị, văn thư và lưu trữ; quan hệ cộng đồng; y tế Cơ quan EVNGENCO 3; hợp tác với các đối tác nước ngoài và các quan hệ quốc tế, thi đua tuyên truyền, y tế lao động.
(2) Ban Tổ chức và Nhân sự:	Thực hiện chức năng tổ chức bộ máy, cán bộ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, lao động tiền lương, vệ sinh lao động, văn hóa doanh nghiệp.
(3) Ban Tổng hợp	Thực hiện chức năng tham mưu giúp HĐQT trong chỉ đạo, quản lý các

	nội dung công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.
(4) Ban Pháp chế:	Thực hiện chức năng pháp chế và các công tác liên quan đến công tác pháp chế; những vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của EVNGENCO 3.
(5) Ban Tài chính - Kế toán:	Thực hiện các chức năng kinh tế tài chính và hạch toán kế toán; quản lý đầu tư vốn của Tổng Công ty.
(6) Ban Kế hoạch:	Thực hiện các chức năng kế hoạch hàng năm, dài hạn, quy hoạch và chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển.
(7) Ban Kỹ thuật - Sản xuất:	Thực hiện các chức năng: quản lý kỹ thuật, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất; vận hành, sửa chữa; nghiên cứu khoa học, công nghệ và môi trường.
(8) Ban An toàn:	Thực hiện chức năng về an toàn, bảo hộ lao động, phòng chống thiên tai, cháy nổ và tìm kiếm cứu nạn.
(9) Ban Quản lý Đấu thầu:	Thực hiện các chức năng quản lý đấu thầu trong lĩnh vực đầu tư dự án mới và mua sắm phục vụ sửa chữa lớn, sản xuất kinh doanh.
(10) Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng:	Thực hiện các chức năng đầu tư xây dựng, đề xuất điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các dự án đầu tư, tổ chức lập dự án đầu tư, thiết kế, dự toán đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn các công trình; quản lý tiến độ, chất lượng xây dựng các dự án đầu tư
(11) Ban Kinh doanh - Thị trường điện:	Thực hiện các chức năng trong công tác Thị trường điện, các hoạt động bán điện; kinh doanh; đầu mối về công tác công nghệ thông tin, viễn thông, SCADA phục vụ điều hành SXKD.
(12) Ban Kiểm toán Nội bộ và Giám sát tài chính:	Thực hiện chức năng tham mưu giúp HĐQT thực hiện chức năng kiểm toán,giám sát hoạt động SXKD, ĐTXD và quản lý điều hành tại Tổng Công ty.

3. Cơ cấu quản lý của Tổng Công ty Phát điện 3

Hiện nay, Tổng Công ty Phát điện 3 có 09 đơn vị hạch toán phụ thuộc, 02 công ty con và 06 công ty liên doanh, liên kết. Cơ cấu quản lý của Tổng Công ty được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:

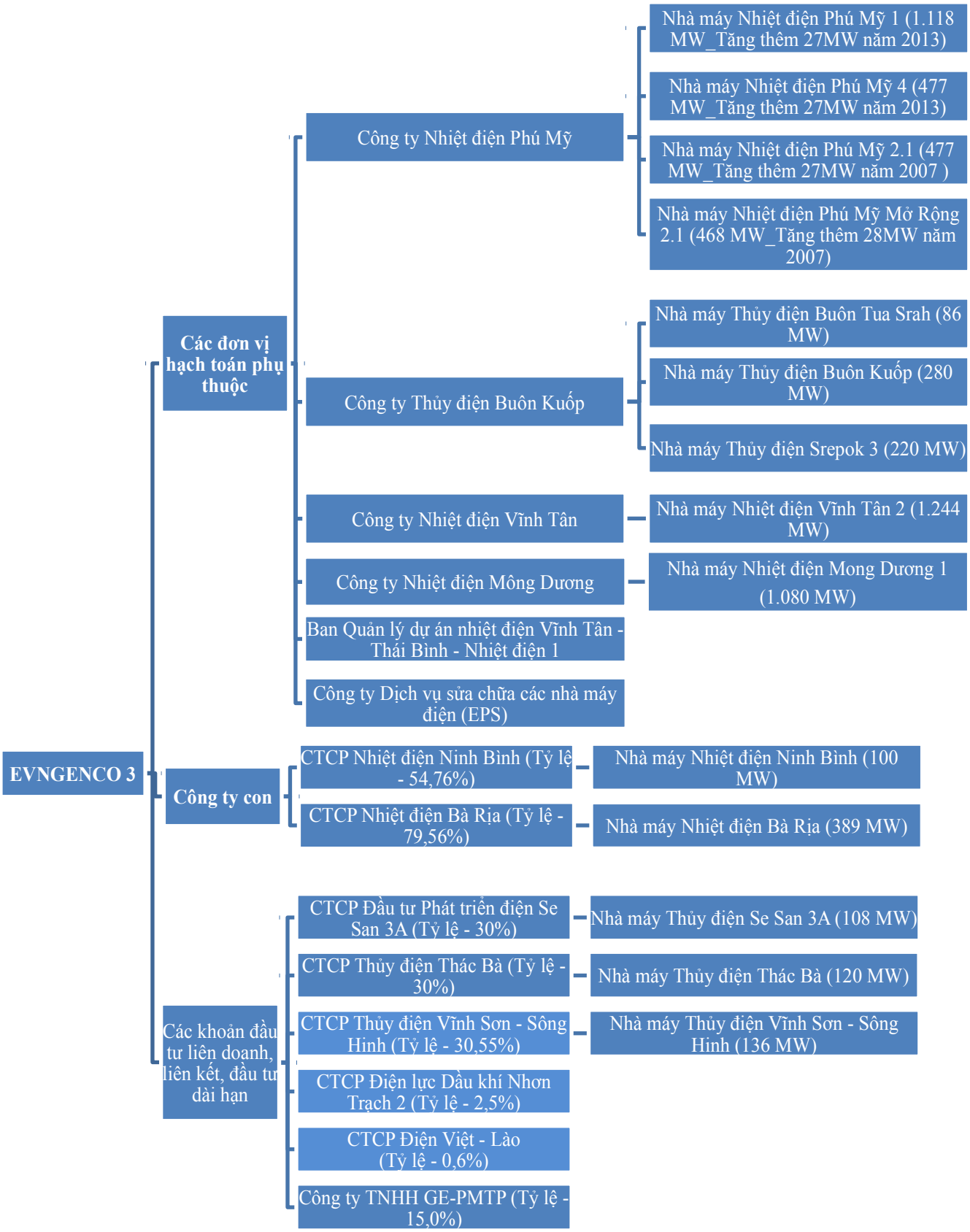
EVNGENCO 3
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc
Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1 (1.118 MW_Tăng thêm 27MW năm 2013)
Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 4 (477 MW_Tăng thêm 27MW năm 2013)
Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 2.1 (477 MW_Tăng thêm 27MW năm 2007)
Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ Mở Rộng 2.1 (468 MW_Tăng thêm 28MW năm 2007)
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp
Nhà máy Thủy điện Buôn Tua Srah (86 MW)
Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp (280 MW)
Nhà máy Thủy điện Srepok 3 (220 MW)
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 (1.244 MW)
Công ty Nhiệt điện Mông Dương
Nhà máy Nhiệt điện Mong Dương 1 (1.080 MW)
Ban Quản lý dự án nhiệt điện Vĩnh Tân - Thái Bình - Nhiệt điện 1
Công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện (EPS)
Công ty con
CTCP Nhiệt điện Ninh Bình (Tỷ lệ - 54,76%)
Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình (100 MW)
CTCP Nhiệt điện Bà Rịa (Tỷ lệ - 79,56%)
Nhà máy Nhiệt điện Bà Rịa (389 MW)
Các khoản đầu tư liên doanh, liên kết, đầu tư dài hạn
CTCP Đầu tư Phát triển điện Se San 3A (Tỷ lệ - 30%)
Nhà máy Thủy điện Se San 3A (108 MW)
CTCP Thủy điện Thác Bà (Tỷ lệ - 30%)
Nhà máy Thủy điện Thác Bà (120 MW)
CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (Tỷ lệ - 30,55%)
Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (136 MW)
CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Tỷ lệ - 2,5%)
CTCP Điện Việt - Lào (Tỷ lệ - 0,6%)
Công ty TNHH GE-PMTP (Tỷ lệ - 15,0%)

V. DANH SÁCH VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% cổ phần tại ngày 20/08/2018

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% cổ phần tại ngày 20/08/2018

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ Số ĐKKD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
01	Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)		1.061.355.233	99,19%
02	Cán bộ nhân viên		1.464.700	0,14%
03	Nhà đầu tư bên ngoài		7.149.644	0,67%
	Tổng cộng		1.069.969.577	100%

Nguồn: EVNGENCO 3

2. Danh sách cổ đông sáng lập tại ngày 20/8/2018

Tổng Công ty không có cổ đông sáng lập

3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 20/08/2018

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại ngày 20/08/2018

Danh mục	Số lượng cổ phần (CP)	Tỷ lệ
Cá nhân		
- Trong nước	5.286.744	0,494%
- Ngoài nước	43.200	0,004%
Tổ chức		
- Trong nước	1.061.355.233	99,195%
- Ngoài nước	3.284.400	0,307%
Tổng cộng	**1.069.969.577**	**100%**

Nguồn: EVNGENCO 3

VI. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY; NHỮNG CÔNG TY MÀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI; NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI CÔNG TY

1. Các đơn vị trực thuộc tại ngày 01/10/2018

STT	Tên công ty	Công suất (MW)	Hoạt động
1	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	2.540	Quản lý vận hành 04 nhà máy nhiệt điện: Phú Mỹ 1, Phú Mỹ 4, Phú Mỹ 2.1 và Phú Mỹ 2.1 MR
2	Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	586	Quản lý vận hành 3 NMTĐ: Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Srêpốk 3
3	Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	1.244	Quản lý vận hành NMNĐ Vĩnh Tân 2, Quản lý vận hành thuê NMNĐ Vĩnh Tân 4
4	Công ty Nhiệt điện Mông Dương	1.080	Quản lý vận hành NMNĐ Mông Dương 1
5	Công ty Nhiệt điện Thái Bình		Quản lý vận hành thuê NMNĐ Thái Bình 1
6	Công ty Dịch vụ sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO 3		Cung cấp dịch vụ sửa chữa cho các nhà máy điện
7	Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân		QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, cơ sở hạ tầng của Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân; là đại diện của Tư vấn QLDA (EVNGENCO 3) để thực hiện QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 mở rộng cho chủ đầu tư (EVN)
8	Ban QLDA Nhiệt điện 1		QLDA NMNĐ Mông Dương 1
9	Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình		QLDA NMNĐ Thái Bình 1
Tổng cộng		**5.450**	

Nguồn: EVNGENCO 3

2. Các công ty con tại ngày 01/10/2018

STT	Tên công ty	Công suất (MW)	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn góp của EVNGENCO 3 (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO 3 (%)	Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu
1	Công ty CP NĐ Bà Rịa (BTP)	390	604.856	481.236	79,56	Sản xuất điện năng
2	Công ty CP NĐ Ninh Bình (NBP)	100	128.655	70.454	54,76	Sản xuất điện năng
Tổng cộng		**490**		**551.690**		

Nguồn: EVNGENCO 3

3. Các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 01/10/2018

STT	Tên công ty	Công suất (MW)	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn góp của EVNGENCO 3 (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO 3 (%)	Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu
1	CTCP TĐ Thác Bà (TBC)	120	635.000	190.500	30	Sản xuất điện năng
2	CTCP TĐ Vĩnh Sơn - Sông Hinh (VSH)	136	2.062.412	517.058	30,55	Sản xuất điện năng
3	CTCP ĐT&PT điện Sê San 3A	108	280.000	84.000	30	Sản xuất điện năng
4	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)	750	2.878.760	64.000	2,5	Sản xuất điện năng
5	CTCP Điện Việt - Lào	651	3.250.000	19.600	0,6	Sản xuất điện năng
6	Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE - PMTP		496.424	74.464	15	Dịch vụ ngành năng lượng
Tổng cộng		**1.765**		**949.622**		

Nguồn: EVNGENCO 3

VII. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất chủ yếu của EVNGENCO 3 là sản xuất và kinh doanh điện năng

Các nhà máy nhiệt điện khí

Các nhà máy điện thuộc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ (2.540 MW): Tổ máy đầu tiên đưa vào vận hành từ năm 1997, sau quá trình đầu tư phát triển tổng công suất đặt các nhà máy này hiện nay đạt 2.540MW. Các nhà máy điện Phú Mỹ vận hành ổn định, tin cậy và hàng năm đóng góp sản lượng điện phát bình quân hơn 16 tỷ kWh, chiếm hơn 50% tổng sản lượng điện hàng năm của Tổng Công ty.

Các nhà máy nhiệt điện than

Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2 (1.244 MW): Đưa vào vận hành từ Quý I/2015. Đây là nhà máy nhiệt điện than có công suất lớn đầu tiên đưa vào vận hành ở miền Nam. Kể từ khi đưa vào vận hành, nhà máy đáp ứng tốt phương thức huy động, góp phần quan trọng trong việc cung ứng điện cho khu vực trọng điểm phía Nam giai đoạn 2015-2017 và các năm về sau.

Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 (1.080 MW): Đưa vào vận hành từ Quý IV/2015. Đây là nhà máy nhiệt điện than có công suất lớn, vận hành ổn định, tin cậy và đáp ứng tốt phương thức huy động của Điều độ hệ thống điện.

Các nhà máy thủy điện

Các nhà máy thuộc Công ty Thủy điện Buôn Kuốp (586 MW): Đưa vào vận hành từ năm 2010 và đang vận hành ổn định. Trong thời gian vừa qua, bên cạnh việc hoạt động với hiệu quả kinh tế cao, các nhà máy còn tham gia thực hiện tốt công tác cấp nước hạ du trong mua khô và phối hợp chặt chẽ đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ.

2. Công tác sản xuất điện

Trong giai đoạn 2015 - 2016, sản lượng điện của EVNGENCO 3 tăng trưởng 12%/năm, các dự án đầu tư nguồn điện mới của EVNGENCO 3 đã hoàn thành và đi vào hoạt động góp phần đảm bảo cung ứng đủ điện cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là góp phần đảm bảo cung cấp điện cho Miền Nam.

Tổng sản lượng điện sản xuất của Công ty mẹ - EVNGENCO 3 trong giai đoạn 2015 - 2017 đạt 96.849 triệu kWh, sản lượng điện bình quân trong 3 năm khoảng 32.283 triệu kWh/năm, cụ thể:

Bảng 4: Tổng sản lượng điện sản xuất 2015 - 30/09/2018

Đơn vị: triệu kWh

Năm	Tổng số (2015 - 2017)	Bình quân/năm (2015 - 2017)	2015	2016	2017	9 tháng đầu năm 2018
Tổng Sản lượng điện	**96.849**	**32.283**	**30.030**	**33.654**	**33.165**	**24.931**
Công ty mẹ	**86.972**	**28.991**	**26.648**	**30.509**	**29.815**	**22.745**
Phú Mỹ	49.911	16.637	17.870	16.317	15.723	11.588
Buôn Kuốp	7.314	2.438	1.551	2.171	3.591	1.803
Vĩnh Tân	18.404	6.135	5.552 (*)	7.106	5.747	5.565
Mông Dương	11.343	3.781	1.674 (*)	4.915	4.754	3.788
Bản Chát	-	-	-	-	-	-
Công ty con	**5.387**	**1.796**	**2.022**	**1.811**	**1.554**	**852**
Bà Rịa	4.391	1.464	1.696	1.470	1.225	587
Ninh Bình	967	322	327	312	328	265
Thủ Đức				29	0,47	-
Công ty liên kết	**4.490**	**1.497**	**1.360**	**1.335**	**1.796**	**1.334**
Thác Bà	1.137	379	342	304	491	342
Vĩnh Sơn - Sông Hinh	2.219	740	674	679	865	599
Sê San 3A	1.135	378	344	351	439	393

Ghi chú:

- *(*) SLĐ của Vĩnh Tân và Mông Dương tính từ thời điểm bàn giao vận hành thương mại (Vĩnh Tân: tổ máy 1: 01/2015, tổ máy 2: 03/2015; Mông Dương: tổ máy 1: 10/2015, tổ máy 2: 12/2015).*
- *Bàn giao công ty thủy điện Huội Quảng - Bản Chát về EVN quản lý từ ngày 24/12/2014*

- *Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức chuyển từ EVNGENCO 3 về EVN từ ngày 01/01/2015*

Công suất các NMĐ trong EVNGENCO 3: Tổng công suất lắp đặt các nhà máy điện trong EVNGENCO 3 (không bao gồm CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và CTCP Điện Việt- Lào) là 6.543 MW (trong đó, tổng công suất các công ty trực thuộc là 5.450 MW ~ 13% công suất đặt của toàn hệ thống điện, còn lại là công ty con và công ty liên kết). Phân theo loại hình nhà máy của EVNGENCO 3, thủy điện chiếm khoảng 2,26%, nhiệt điện than chiếm khoảng 5,77%, tuabin khí chiếm khoảng 6,97% công suất phát điện của toàn hệ thống điện.

Trong tổng công suất của EVNGENCO 3, các nhà máy điện tuabin khí chiếm tỷ trọng 44,77%, nhiệt điện than chiếm 37,04% và thủy điện chiếm 14,52%.

Bảng 5: Tổng công suất lắp đặt các nhà máy điện EVNGENCO 3

EVNGENCO 3	Loại hình	Hình thức sở hữu	Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO 3	C.suất lắp đặt (MW)	Thời gian đưa vào vận hành
Các NMĐ Phú Mỹ	TBK	Trực thuộc	100%	2.540	1997-2005
NMNĐ Vĩnh Tân 2	NĐ than	Trực thuộc	100%	1.244	2015
NMNĐ Mông Dương 1	NĐ than	Trực thuộc	100%	1.080	2015
Các NMTĐ Buôn Kuốp	Thủy điện	Trực thuộc	100%	586	2009
NMNĐ Bà Rịa	TBK	Công ty con	79,56%	389	1992-2002
NMNĐ Ninh Bình	NĐ than	Công ty con	54,76%	100	1974-1976
NMNĐ Thủ Đức	NĐ dầu	Công ty con	100%	240	1966-1992
NMTĐ Thác Bà	Thủy điện	Công ty liên kết	30%	120	1971-1975
NMTĐ Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Thủy điện	Công ty liên kết	30,55%	136	1994
NMTĐ Sê San 3A	Thủy điện	Công ty liên kết	30%	108	2006
Tổng				**6.543**	

3. Nguyên vật liệu

Nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện khí:

Các nhà máy điện Phú Mỹ sử dụng nhiên liệu khí là nhiên liệu chính, dầu DO là nhiên liệu dự phòng. Các Nhà máy điện Phú Mỹ tiêu thụ khí đốt từ các nguồn: khí Nam Côn Sơn và có hợp đồng cung cấp đến năm 2023, ngoài ra còn có hợp đồng cấp khí cho các nhà máy từ nguồn khí Cửu Long.

Theo quy hoạch phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2035, một số mỏ khí mới và nguồn LNG sẽ được đầu tư để bù đắp lượng khí suy hao nhằm tiếp tục cấp khí cho các nhà máy điện Phú Mỹ của EVNGENCO 3 nói riêng và các nhà máy điện miền Đông Nam Bộ nói chung.

Nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện than:

Nhiên liệu chính dùng trong sản xuất nhiệt điện than là than cám sản xuất trong nước và dầu FO/ DO dùng để khởi động và đốt kèm khi tải thấp.

Trong những năm gần đây, nhu cầu than có sự tăng lên đáng kể, từ mức 10 triệu tấn ở năm 2002 đã tăng hơn 3,5 lần lên mức tiêu thụ 35,5 triệu tấn vào năm 2014. Trong đó ngành điện là ngành tiêu thụ than nhiều nhất, chiếm khoảng 50% tổng sản lượng than tiêu thụ.

Trong tương lai, khi các nhà máy điện chủ động trong quá trình nhập khẩu than làm nguyên liệu sản xuất, ngoài rủi ro về số lượng, cơ chế giá nhiên liệu than trong tương lai sẽ chịu ảnh hưởng lớn của giá thị trường (cả than trong nước và than nhập khẩu).

Nguồn nguyên vật liệu của EVNGENCO 3 chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố sau:

- Sự biến động giá dầu và giá than trên thế giới
- Ảnh hưởng của thiên tai (bão lụt, hạn hán, cháy rừng…)
- Biến động của tỷ giá ngoại tệ

Các biến động của nguồn nguyên vật liệu đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD, doanh thu và lợi nhuận của EVNGENCO 3.

4. Các hợp đồng kinh tế lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Các Hợp đồng mua bán điện như sau:

STT	Tên hợp đồng	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác
1	Hợp đồng bán điện Phú Mỹ	Từ ngày ký đến hết 25 năm kể từ Ngày vận hành thương mại của Nhà máy điện.	Điện năng	Công ty mua bán điện EPTC
2	Buôn Kuốp	như trên	Điện năng	như trên
3	Vĩnh Tân 2	như trên	Điện năng	như trên

4	Mông Dương 1	như trên	Điện năng	như trên

Các Hợp đồng mua bán nhiên liệu đầu vào:

- Hợp đồng mua bán khí Nam Côn Sơn số 01-NCS/PVN-EVN ngày 15/10/20101 ký kết giữa Tổng Công ty Dầu Khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam) và Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) và các Phụ lục sửa đổi, bổ sung đã ký.
- Hợp đồng mua bán khí Cửu Long giữa Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên (nay là Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP) và Công ty TNHH một thành viên Nhiệt điện Phú Mỹ (nay là Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Phát điện 3) số 52/2010/KTTT-PVGAS/TM-PMTP/B1 ký ngày 02/4/2010 và các Phụ lục gia hạn, Phụ lục Bổ sung đã ký.
- Hợp đồng nguyên tắc mua bán than cho NMNĐ Mông Dương 1 số 364/HĐNT/TKV-ANĐ1 ký ngày 28/4/2014 giữa Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty Phát điện 3 - Đại diện: Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 1 với thời hạn 25 năm.

Các hợp đồng dài hạn cung cấp vật tư mới, phục hồi vật tư và dịch vụ cung cấp chuyên gia và dịch vụ kỹ thuật với các nhà chế tạo tuabin khí:

- Hợp đồng gia hạn của Hợp đồng dài hạn số 08-03/EVN-AP/PHUMY ký ngày 02/3/2011 giữa Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ (nay là Tổng Công ty Phát điện 3) với Alstom (Switzerland) (nay là General Electric (SWITZERLAND) GmbH) và Alstom Vietnam Ltd (nay là GE Power Vietnam Ltd. Co) cung cấp vật tư mới, phục hồi vật tư, chuyên gia và dịch vụ kỹ thuật.
- Hợp đồng gia hạn của Hợp đồng dài hạn số 12-05/EVN-Siemens/PHUMY ký ngày 18/6/2015 giữa Tổng Công ty Phát điện 3 với Siemens AG và Siemens Vietnam về cung cấp vật tư mới, phục hồi vật tư, chuyên gia và dịch vụ kỹ thuật.
- Hợp đồng gia hạn của Hợp đồng dài hạn số 11-05/EVN-ITC&MHI/PHUMY ký ngày 11/11/2015 giữa Tổng Công ty Phát điện 3 với MHPS/ITC.

VIII. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty giai đoạn 2016 - 06 tháng đầu năm 2018

Bảng 6: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty giai đoạn 2016 - 06 tháng đầu năm 2018

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	06 tháng đầu năm 2018	% tăng giảm năm 2017 so với năm 2016
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.942.430	37.907.111	20.328.685	5,47%
Giá vốn hàng bán	32.401.927	33.601.837	17.448.922	3,70%
Lợi nhuận gộp	3.540.503	4.305.274	2.879.763	21,60%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	217.187	416.380	566.481	91,71%
Lợi nhuận khác	87.620	52.491	(14.341)	-40,09%
Lợi nhuận trước thuế	304.807	468.870	552.140	53,83%
Lợi nhuận sau thuế	265.474	316.698	441.964	19,30%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC 06 tháng đầu năm 2018

Lưu ý:

- Tại BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017 của Tổng Công ty, đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán KPMG Việt Nam có một số điểm cần lưu ý, cụ thể như sau:

Thuyết minh 3(b)(ii) và 3(b)(iii) trong báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 ("Nghị định 10") và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 5344/BTC-TCDN của Bộ Tài Chính ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm 2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("Công văn 5344"), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 ("Công văn 122").

Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong phần "Vốn chủ sở hữu" và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Theo hướng dẫn của Công văn 5344 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc "Vốn chủ sở hữu", thay vì vào "Chi phí tài chính", và được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản

nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Hướng dẫn của các công văn này có sự khác biệt so với Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày tại Thuyết minh 3(b)(ii) và 3(b)(iii) của báo cáo tài chính hợp nhất.

1.1 Doanh thu sản xuất kinh doanh giai đoạn từ năm 2016 đến 06 tháng đầu năm 2018

Trong năm 2017, doanh thu từ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty đạt 37.907 tỷ đồng tăng 5,47% so với năm 2016. Trong đó, doanh thu sản xuất kinh doanh điện là 37.646 tỷ đồng, chiếm 99,31% doanh thu thuần năm 2017. Trong 6 tháng đầu năm 2018, doanh thu thuần đạt 20.328 tỷ đồng, trong đó doanh thu sản xuất kinh doanh điện là 20.239 tỷ đồng chiếm 99,56%, doanh thu hoạt động sản xuất, dịch vụ khác chiếm 0,44%

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị tính: triệu đồng

Sản phẩm - Dịch vụ	Năm 2016		Năm 2017		06 tháng 2018	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Doanh thu sản xuất điện	35.774.144	99,53%	37.646.560	99,31%	20.239.437	99,56%
Doanh thu sản xuất và dịch vụ khác	168.286	0,47%	260.551	0,69%	89.248	0,44%
	35.942.430	**100,00 %**	**37.907.111**	**100,00 %**	**20.328.685**	**100,00%**

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC 06 tháng đầu năm 2018

1.2 Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố giai đoạn từ năm 2016 đến 06 tháng đầu năm 2018

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố và tỷ trọng trong tổng chi phí giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp trong năm 2016 đến 6 tháng 2018 như sau:

Bảng 8: Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

Đơn vị tính: triệu đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2016		Năm 2017		6 Tháng/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Chi phí nguyên	23.521.399	71,73%	24.850.756	73,01%	14.194.51	80,58%

liệu, vật liệu					7	
Chi phí nhân công	717.419	2,19%	783.444	2,30%	262.626	1,49%
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.854.592	17,85%	5.001.951	14,69%	2.310.248	13,12%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	350.668	1,07%	527.634	1,55%	144.074	0,82%
Chi phí sửa chữa lớn	1.711.290	5,22%	2.140.133	6,29%	393.578	2,23%
Chi phí khác	637.665	1,94%	735.028	2,16%	309.427	1,76%
Tổng cộng	**32.793.034**	**100,00 %**	**34.038.946**	**100,00 %**	**17.614.46 9**	**100,00 %**

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC 06 tháng đầu năm 2018

2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm báo cáo

2.1 Những nhân tố thuận lợi

- Là một công ty có vốn đầu tư của EVN, EVNGENCO 3 nhận được sự hỗ trợ trong công tác quản lý, điều hành và tài chính từ Tập đoàn EVN.
- Các nhà máy hiện tại của EVNGENCO 3 đều đã hoàn thành và đưa vào phát điện thương mại, đóng góp vào tổng công suất phát điện lớn nhất cả nước của Tổng Công ty. Thêm vào đó, phần lớn công suất phát điện của EVNGENCO 3 (hơn 66%) thuộc các nhà máy tại khu vực phía Nam, là khu vực có nhu cầu nguồn điện rất lớn và công suất phát điện còn thiếu hụt.
- EVNGENCO 3 có đội ngũ CBNV có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm trong việc quản lý, vận hành các nhà máy cũng như tìm kiếm và phát triển các dự án khác trong tương lai.
- EVNGENCO 3 có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem EVNGENCO 3 có chịu rủi ro tín dụng hay không. EVNGENCO 3 không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với khách hàng hoặc đối tác vì các khoản phải thu chủ yếu là từ các công ty trong cùng EVN.

2.2 Những nhân tố khó khăn

- Các nhà máy của EVNGENCO 3 chủ yếu dùng nhiên liệu hóa thạch (chiếm 89%) chủ yếu là nguồn khí đốt và than đá trong nước. Trong khi các nguồn nhiên liệu này chỉ đủ đáp ứng cho các nhà máy hiện tại và có xu hướng giảm dần.
- Hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng của yếu tố thời tiết - đang ngày càng diễn biến phức tạp trước sự biến đổi khí hậu toàn cầu.

- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của EVNGENCO 3 cao do các dự án đầu tư chủ yếu sử dụng nguồn vốn vay ngoại tệ, do đó EVNGENCO3 chịu nhiều sức ép từ biến động lãi suất và tỷ giá.

IX. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC CÙNG NGÀNH

1. Triển vọng phát triển của ngành

1.1 Thực trạng ngành điện Việt Nam

Tiêu thụ điện tăng trưởng hàng năm

Năm 2017, tổng công suất sản xuất điện của Việt Nam đạt 45,41 GW, tăng trưởng 7,8% so với năm trước. Công suất sản xuất điện tăng chủ yếu đến từ sự vận hành của các nhà máy mới trong năm 2017, nổi bật là 03 nhà máy thủy điện và 02 nhà máy điện than. Ngoài ra, lượng mưa tăng mạnh cùng số lượng nhà máy thủy điện chiếm ưu thế trong tổng số nhà máy mới cấp điện đã đóng góp đáng kể cho công suất điện của cả nước trong năm vừa qua. Hoạt động cung cấp điện được phân bổ tốt theo khu vực địa lý. Trong số các nhà máy mới đi vào vận hành đáng chú ý trong năm 2017 có 03 nhà máy ở khu vực miền Bắc và 02 nhà máy ở khu vực miền Nam. Trong đó, Nhà máy điện than Vĩnh Tân 4 đặt tại Bình Thuận với công suất 1.200 MW đã cải thiện phần nào nguồn cấp điện ở khu vực miền Nam - khu vực tiêu thụ điện lớn nhất cả nước.

Theo thống kê mới nhất của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), lũy kế 8 tháng năm 2018 ghi nhận sản lượng toàn hệ thống đạt 145,15 tỷ kWh, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng điện thương phẩm toàn EVN 126,05 tỷ kWh, tăng 10,62% so cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng điện thương phẩm nội địa tăng 10,69%. Riêng sản lượng thương phẩm điện toàn EVN tháng 8 khoảng 17,05 tỷ kWh. Trong tháng 9, sản lượng tiêu thụ điện bình quân/ ngày toàn hệ thống dự kiến ở mức 616,9 triệu kWh/ngày, công suất phụ tải lớn nhất ước khoảng 32.100 MW.

Theo số liệu của Bộ Công thương/ Cục Điều tiết Điện lực/Tổng cục Thống kê, trong năm 2016, nhóm thủy điện đóng góp chỉ khoảng 18-25% trong cơ cấu sản lượng điện toàn quốc, trong khi vị trí dẫn đầu là nhóm nhiệt điện than. Với sự gia tăng mạnh của lượng mưa trong năm 2017 khi hiện tượng La Nina kéo dài hơn dự kiến, nguồn nước dự trữ của các hồ chứa thủy điện đồng loạt ghi nhận sự tăng trưởng mạnh, thúc đẩy sự tăng trưởng của sản lượng điện cung cấp của các nhà máy thủy điện. Điều này đã kéo cơ cấu sản lượng điện dịch chuyển mạnh sang nhóm thủy điện trong năm 2017, chiếm gần 40% sản lượng.

Giá bán điện được điều chỉnh tăng lần đầu kể từ năm 2015

Giá điện bán lẻ đã được điều chỉnh tăng 6,08% lên 1.721 VND/kWh kể từ ngày 01/12/2017. Đây là lần điều chỉnh tăng giá điện đầu tiên kể từ năm 2015. Bên cạnh đó, các quy định nhằm gia tăng tính linh hoạt trong cơ chế hình thành giá điện cũng đã được Chính phủ chú trọng trong năm vừa qua. Cụ thể, Quyết định 24/2017/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 15/08/2017 đã đưa ra những thay đổi trong việc điều chỉnh giá điện bán lẻ theo Quyết định 69/2013/QĐ-TTg. Nổi bật trong quyết định mới đó là EVN được rút ngắn kỳ điều chỉnh giá điện từ kỳ năm thành kỳ quý.

Có thể thấy năm 2017 vừa qua đã chứng kiến nhiều sự thay đổi về cơ chế hình thành giá điện bán lẻ. Đây được xem là các tiền đề cơ bản trên con đường tự do hóa ngành điện với mục tiêu đưa thị trường bán buôn điện cạnh tranh đi vào vận hành kể từ năm 2019.

1.2 Triển vọng ngành điện trong thời gian tới

Hiện tượng La Nina suy yếu

Theo dự báo của Viện Nghiên cứu Khí hậu và Xã hội Quốc tế, hiện tượng La Nina có sự suy yếu nhanh trong năm 2018, đặc biệt là từ quý 02/2018. Sự suy yếu của hiện tượng La Nina sẽ kéo theo sự gia tăng trở lại của hiện tượng El Nino. Do đó, các nhà máy nhiệt điện có cơ hội gia tăng sản lượng cung cấp trong năm 2018. Đây sẽ là cơ hội của EVNGENCO 3.

Khoảng cách cung cầu khó có thể được cải thiện trong những năm tới:

Năm 2018, nhằm đáp ứng cho nhu cầu tiêu thụ điện, nhiều nhà máy điện mới sẽ được đưa vào vận hành với tổng công suất 700 MW. Cùng với một loạt các nhà máy đã hoạt động trong 6 tháng cuối năm 2017, công suất phát điện sẽ gia tăng đáng kể từ năm 2018.

Bảng 9: Các nhà máy điện dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2018 và 2019

Nhà máy điện	Loại hình	Địa điểm hoạt động	Công suất (MW)	Thời gian vận hành	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Chủ đầu tư
Năm 2018						
Sông Bung 2 #1,2	Thủy điện	Sông Bung, Quảng Nam	100			EVNGENCO 2
Vĩnh Tân 1 (BOT) #1	Nhiệt điện	Vĩnh Tân, Bình Thuận	600			
Năm 2019						
Vĩnh Tân 1 (BOT)#2	Nhiệt điện	Vĩnh Tân, Bình Thuận	600			
Duyên Hải 3 mở rộng	Nhiệt điện	Trà Vinh	660	Quý 02/2018	22.774	EVNGENCO 1
Thượng Kon Tum #1,2	Thủy điện	Sông Đắk Nghé, Kon Tum	220		7.407,749	VSH (EVNGENCO 3)
Đa Nhim mở rộng	Thủy điện	Sông Đa Nhim, Lâm Đồng	80		1.952	DHD (EVNGENCO 1)

		– Ninh Thuận				
Vĩnh Tân 4 mở rộng	Nhiệt điện	Vĩnh Tân, Bình Thuận	600	Tháng 12/2019	Trên 23.000	EVN

Nguồn: Quyết định 219/QĐ-TTg ngày 13/2/2018 phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm 2016 - 2020 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Tuy vậy, sự tăng trưởng của sản lượng cung cấp điện ước tính sẽ chưa thể bắt kịp với tốc độ tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ, đặc biệt là ở khu vực phía Nam và các tỉnh công nghiệp ở phía Bắc. Nguyên nhân chủ yếu đến từ:

- Sự gia tăng mạnh mẽ của công nghiệp hóa và đô thị hóa.
- Khả năng phát triển nhà máy thủy điện gặ p hạn chế.
- Vấn đề môi trường cùng trọng tâm phát triển bền vững.

Triển vọng ngành điện trong thời gian tới

Ngành Điện Việt Nam là một trong những ngành then chốt, hấp dẫn đầu tư do tốc độ tăng trưởng kinh tế, nhu cầu sử dụng điện năng tại Việt Nam ngày một tăng cao và kỳ vọng tiếp tục phát triển. Sản lượng điện tiếp tục gia tăng, từ 101,5 tỷ kWh (năm 2011) lên khoảng 159,68 tỷ kWh (vào năm 2015), bình quân tăng khoảng 11,6%/năm, công suất đặt tăng từ 24.744 MW (năm 2011) lên đến 38.800 MW (năm 2015), bình quân tăng khoảng 11,9%/năm.

Theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh, nhằm cung cấp đủ nhu cầu điện trong nước, đáp ứng cho Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7,0%/năm trong giai đoạn 2016 - 2030. Với mức tăng trưởng GDP 7.0%/năm, dự kiến nhu cầu sử dụng điện trên toàn quốc tăng trưởng bình quân 10,6%/năm, mục tiêu cụ thể phát triển nguồn điện như sau:

- Điện thương phẩm: Năm 2020 khoảng 235 - 245 tỷ kWh; năm 2025 khoảng 352 - 379 tỷ kWh; năm 2030 khoảng 506 - 559 tỷ kWh.
- Điện sản xuất và nhập khẩu: Năm 2020 khoảng 265 - 278 tỷ kWh; năm 2025 khoảng 400 - 431 tỷ kWh và năm 2030 khoảng 572 - 632 tỷ kWh.

Cũng theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh, Tổng mức đầu tư cho ngành điện Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020 là 858,66 nghìn tỷ đồng (tương đương gần 40 tỷ USD, trung bình 7,9 tỷ USD/năm), giai đoạn 2021 - 2030 là 2.347,99 nghìn tỷ đồng (tương đương 108 tỷ USD, trung bình hơn 10,8 tỷ USD/năm), trong đó khoảng 74% giá trị là dành cho đầu tư nguồn điện. Do đó nhu cầu vốn đầu tư trong thời gian tới rất cao và mang lại hiệu quả hấp dẫn.

Ngành điện trong thời gian tới có những lợi thế do nhu cầu sử dụng điện ngày một gia tăng do sự phát triển kinh tế và các yếu tố xã hội con người.

Thực hiện tái cơ cấu ngành điện để từng bước phát triển thị trường điện cạnh tranh lành mạnh trên cơ sở bảo đảm an ninh cung cấp điện, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh điện; đưa ra tín hiệu giá một cách công khai, minh bạch để thu hút đầu tư, phát triển ngành điện bền vững. Nhằm chuyển đổi cơ cấu thị trường, ngày 08/11/2013, Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg được ban hành, quy định về lộ trình, các điều kiện và cơ cấu ngành điện để hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện lực Việt Nam, hướng đến năm 2023 thị trường điện bán lẻ cạnh tranh sẽ được vận hành.

Điện lực được đánh giá là ngành thiết yếu của nền kinh tế quốc dân, phục vụ sản xuất kinh doanh và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt. Sự phát triển của ngành điện có ý nghĩa nền tảng đối với công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nói riêng và sự phát triển của nền kinh tế nói chung.

Mặc dù được đánh giá là một quốc gia có tiềm năng rất cao trong lĩnh vực khai thác năng lượng tái tạo nhưng sự phát triển của ngành năng lượng này tại Việt Nam hiện tại vẫn còn khá thấp so với tiềm năng vốn có. Tính đến năm 2015, ngoại trừ hệ thống nhà máy thủy điện có công suất nhỏ (dưới 30MW) đã chiếm một giá trị đáng kể (tổng công suất khoảng 2.300 MW tính đến cuối năm 2015) thì công suất của các nguồn năng lượng khác vẫn còn rất hạn chế. Theo báo cáo của Cơ quan Năng lượng Đan Mạch, tổng quy mô dự án năng lượng gió mà Việt Nam đang triển khai sẽ đạt công suất 159 MW, chỉ chiếm chưa đến 10% mục tiêu phát triển năng lượng gió tính đến năm 2030.

Nhằm cải thiện các rào cản hiện tại, các chiến lược phát triển nguồn năng lượng tái tạo với trọng tâm là Quyết định số 2068/QĐ-TTg hiệu lực ngày 25/11/2015 đã ban hành, đề ra chiến lược phát triển năng lượng tái tạo tại Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, sự hình thành cơ chế giá bán điện từ các nguồn năng slượng tái tạo được xem là yếu tố quan tr ọng nhất trong chiến lược này.

2. Vị thế của Công ty trong ngành

Công suất lắp đặt:

Tổng công suất lắp đặt các nhà máy điện trong EVNGENCO 3 (không bao gồm CTCP ĐL Dầu khí Nhơn Trạch 2 và CTCP Điện Việt- Lào) đạt 6.543 MW chiếm khoảng 16% công suất đặt của toàn hệ thống điện. Phân theo loại hình nhà máy của EVNGENCO 3, thủy điện chiếm khoảng 2,26%, nhiệt điện than chiếm khoảng 5,77%, tuabin khí chiếm khoảng 6,97% công suất phát điện của toàn hệ thống điện

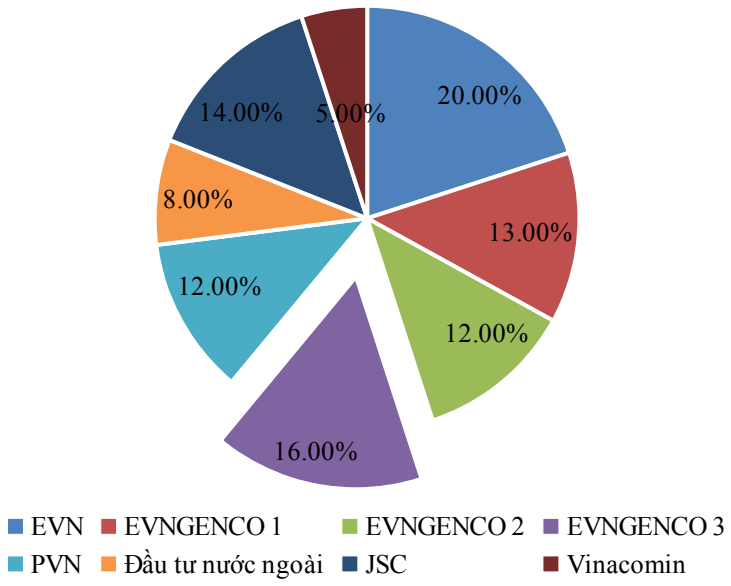

Sơ đồ 3: Cơ cấu ngành điện Việt Nam theo công suất lắp máy

Nguồn: EVNGENCO 3

Sản lượng điện sản xuất:

Bảng 10: Sản lượng điện sản xuất của EVNGENCO 3 so với cả nước

Đơn vị: triệu kWh

Đơn vị sản xuất	2014	2015	2016	2017	9T 2018
EVNGENCO 3	22.457	27.156	33.654	33.165	24.931
Cả nước	143.303	159.680	176.990	192.450	163.520

Nguồn: EVNGENCO 3

Về sản lượng điện sản xuất, năm 2016 EVNGENCO 3 sản xuất được 33,654 tỷ kWh điện, chiếm 19,05% sản lượng điện cả nước.

X. CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Số lượng người lao động trong Công ty và cơ cấu lao động

Tại thời điểm ngày 30/06/2018, tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của EVNGENCO 3 là 2.628 người với cơ cấu lao động như sau:

Bảng 11: Cơ cấu lao động

Đơn vị tính: người

STT	Cơ cấu lao động	Tổng số	Tỷ lệ (%)
	Phân theo trình độ	**2.628**	**100**
1	Trình độ trên Đại học	57	2,17
2	Trình độ Đại học	1.232	46,88
3	Trung cấp, cao đẳng	1.057	40,22
4	Lao động phổ thông	109	4,15
5	Công nhân kĩ thuật	173	6,58
	Phân theo thời hạn hợp đồng lao động	**2.628**	**100**
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng	8	0,30
2	Lao động không xác định thời hạn	2.616	99,54
3	Lao động thời hạn từ 1 - 3 năm	4	0,16
4	Lao động thời hạn dưới 1 năm hoặc theo mùa vụ	-	-
	Phân theo giới tính	**2.628**	**100**
1	Nam	2.230	84,86
2	Nữ	398	15,14

2. Chính sách đối với người lao động

1.1 Chế độ làm việc

Chế độ làm việc của Tổng Công ty được thực hiện theo các quy định của Luật lao động và các quy định liên quan, cụ thể:

- Thời gian làm việc: Thời giờ làm việc bình thường của mỗi CBCNV không quá 08 giờ trong 01 ngày, 48 giờ trong 01 tuần (đối với người lao động làm các công việc không đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm).
- Công ty luôn đảm bảo để người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Pháp luật như: nghỉ phép, ốm, thai sản, hưu, trợ cấp thôi việc, ...

1.2 Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- Tuyển dụng: Tổng Công ty luôn có chính sách tuyển dụng hợp lý nhằm thu hút lao động có năng lực và trình độ chuyên môn vào làm việc và gắn bó lâu dài với Tổng Công ty. Mỗi vị trí tuyển dụng đều có những tiêu chuẩn cụ thể, rõ ràng. Công tác tuyển dụng luôn được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch đảm bảo tính công bằng cũng như cơ hội bình đẳng cho mọi ứng cử viên.

- Đào tạo: Công tác đào tạo luôn được Tổng Công ty chú trọng. Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và nhu cầu thực tế, hàng năm, Công ty đều tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao tay nghề cho người lao động để đáp ứng yêu cầu công việc. Đồng thời, quan tâm quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt và dài hạn trong quá trình hoàn thiện, đổi mới và phát triển của Tổng Công ty.

1.3 Chính sách lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi ưu đãi

- Chính sách lương: Tổng Công ty xây dựng chính sách lương dựa trên cơ sở năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của từng cán bộ công nhân viên đóng góp cho Tổng Công ty. Hàng năm, căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh và chủ trương của Ban điều hành, Tổng Công ty đều tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy định trả lương kịp thời để tiền lương thực sự là đòn bẩy cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chính sách đối với người lao động: Đảm bảo người lao động trong Tổng Công ty được hưởng đầy đủ các chính sách, chế độ theo đúng quy định của Nhà nước và Thỏa ước lao động tập thể. Quan tâm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện lao động thoải mái, hợp vệ sinh, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm, tổ chức đi tham quan, nghỉ mát, tổ chức các phong trào văn thể, tổ chức giao lưu ... tạo không khí vui tươi phấn khởi. Hoạt động sôi nổi, đều tay của các đoàn thể, nếp văn hóa Tổng Công ty đã góp phần gắn kết để người lao động yên tâm gắn bó với Tổng Công ty.
- Tổng Công ty luôn thực hiện đầy đủ, nghiêm túc việc trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và thanh toán kịp thời các chế độ Bảo hiểm theo quy định của Pháp luật.

XI. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị Tổng Công ty kiến nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của EVNGENCO 3.
- EVNGENCO 3 không thanh toán lãi cho khoản chi trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

- Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, EVNGENCO 3 phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp EVNGENCO 3 đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, EVNGENCO 3 không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền EVNGENCO 3 đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.
- Tỷ lệ cổ tức trong hai năm gần nhất: không có

XII. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Tổng Công ty hạch toán kế toán theo quy định của Luật kế toán hiện hành.

1. Các thông tin tài chính cơ bản

1.1 Trích khấu hao tài sản cố định

- **Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Bảng 12: Thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10-40 năm
Máy móc, thiết bị	5-20 năm
Phương tiện vận tải	5-20 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3-10 năm
Tài sản cố định khác	5-10 năm

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 Tổng Công ty

- **Tài sản cố định vô hình:** Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, ngoại trừ quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không tính khấu hao. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Bảng 13: Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản	Thời gian khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định	50 năm
Phần mềm máy vi tính	03 năm
Bản quyền chuyển giao công nghệ	10 năm

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 của Tổng Công ty

1.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Tổng Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn.

1.3 Các khoản phải nộp theo luật định

Số thuế đã nộp Ngân sách Nhà nước của Tổng Công ty giai đoạn từ năm 2016 đến 06 tháng đầu năm 2018 như sau:

Bảng 14: Số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	30/06/2018
Thuế giá trị gia tăng	1.066.608	1.137.564	573.407
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.648	32.192	14.624
Thuế nhà thầu	29.188	17.536	50.926
Thuế xuất nhập khẩu	63.178	27.201	110.506
Thuế thu nhập cá nhân	18.580	24.716	44.097
Thuế tài nguyên	232.971	355.272	164.252
Thuế nhà đất. tiền thuê đất	21.411	18.773	7.058
Phí. lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	28.047	71.572	48.541
Các loại thuế khác	15.007	310	40.869
Tổng cộng	**1.539.638**	**1.685.136**	**1.054.280**

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC 06 tháng đầu năm 2018 của Tổng Công ty

1.4 Trích lập các quỹ theo luật định

Tổng Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Pháp luật và theo Điều lệ Tổng Công ty.

Bảng 15: Số dư các quỹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/06/2018
Quỹ đầu tư phát triển	218.279	291.206	286.253
Quỹ khen thưởng phúc lợi	249.378	289.958	174.553
Tổng cộng	**467.657**	**581.164**	**460.806**

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC 06 tháng đầu năm 2018 của Tổng Công ty

1.5 Tổng dư nợ vay

Tổng Công ty luôn thanh toán đúng hạn các khoản vay. Số dư các khoản vay của Tổng Công ty như sau:

Bảng 16: Số dư các khoản vay

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/06/2018
Vay dài hạn đến hạn trả	3.337.580	4.804.802	2.046.199
Vay dài hạn	65.841.568	58.297.263	58.983.469
Tổng cộng	**69.179.148**	**63.102.065**	**61.029.668**

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC 06 tháng đầu năm 2018 của Tổng Công ty

1.6 Tình hình công nợ hiện nay

- **Các khoản phải thu ngắn hạn**

Bảng 17: Số dư các khoản phải thu ngắn hạn

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/06/2018
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.182.533	8.494.115	12.921.729
Trả trước cho người bán ngắn hạn	301.221	171.653	351.538
Phải thu ngắn hạn khác	4.979.702	282.628	230.612
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(738)	(1.228)	(852)
Tổng cộng	**12.462.718**	**8.947.168**	**13.503.027**

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC 06 tháng đầu năm 2018 của Tổng Công ty

- **Các khoản phải thu dài hạn**

Bảng 18: Số dư các khoản phải thu dài hạn

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/06/2018
Phải thu dài hạn khác	22	769	4.026
Tổng cộng	**22**	**769**	**4.026**

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC 06 tháng đầu năm 2018 của Tổng Công ty

- **Các khoản phải trả ngắn hạn (không bao gồm vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)**

Bảng 19: Các khoản phải trả ngắn hạn (không bao gồm vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/06/2018
Phải trả người bán ngắn hạn	5.587.479	6.131.548	5.199.856
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	34	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	144.692	221.091	207.377
Phải trả người lao động	221.290	279.657	15.898
Chi phí phải trả ngắn hạn	50.823	101.898	789.731
Doanh thu chưa thực hiện ngắn	15.158	15.890	8.361

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/06/2018
hạn			
Phải trả ngắn hạn khác	940.978	988.306	1.810.929
Dự phòng ngắn hạn	63.614	70.242	66.427
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	249.379	289.958	174.553
Tổng cộng	**7.273.413**	**8.098.624**	**8.273.132**

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC 06 tháng đầu năm 2018 của Tổng Công ty

- **Các khoản phải trả dài hạn**

Tổng Công ty không có các khoản phải trả dài hạn tại ngày 31/12/2016, 31/12/2017 và 30/06/2018.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
I	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TLSĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,77	1,46
2	Hệ số thanh toán nhanh: (TLSĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,48	1,22
II	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,90	0,88
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	8,81	7,31
III	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
1	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	11,62	10,98
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,42	0,47
IV	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
1	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,74	0,84
2	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	3,05	3,42

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,31	0,38
4	Hệ số lợi nhuận thuần từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,60	1,10

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016 và 2017 của Tổng Công ty

XIII. TÀI SẢN

1. Tài sản cố định

Giá trị tài sản cố định hữu hình theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2017 của Tổng Công ty như sau:

Bảng 21: Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
1	Nhà cửa vật kiến trúc	19.152.187	13.531.017	70,65%
2	Máy móc thiết bị	83.180.477	39.073.063	46,97%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6.797.120	4.159.927	61,20%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	142.056	39.981	28,14%
5	TSCĐ hữu hình khác	229	40	17,47%
	Tổng cộng	**109.272.069**	**56.804.028**	**51,98%**

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 của Tổng Công ty

2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2017 của Công ty như sau:

Bảng 22: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017
1	Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương	1.124.652	1.546.836
2	Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	1.367.507	711.263
3	Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	494.163	897.011

4	Cảng than Vĩnh Tân	338.960	483.511
5	Khác	89.648	149.663
	Tổng cộng	**3.414.930**	**3.788.284**

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 của Tổng Công ty

XIV. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM TIẾP THEO

1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Bảng 23: Dự kiến kế hoạch SXKD của EVNGENCO 3 giai đoạn 2018-2020

Đơn vị: Tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2018	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2019
Doanh thu thuần	37.877	-0,41%	38.075	0,52%
Lợi nhuận sau thuế	1.172	41,5%	1.233	5,2%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3%		3,23%	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	10,95%		11,52%	
Cổ tức	3%		3%	

Nguồn: EVNGENCO 3

***(*) Ghi chú:** chưa bao gồm yếu tố CLTG. Hạch toán CLTG được thực hiện theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền.*

2. Giải pháp cụ thể

Để thực hiện mục tiêu kế hoạch đề ra, Tổng Công ty đưa ra các nhóm giải pháp như sau:

a) Giải pháp trong sản xuất và cung ứng điện

- Vận hành các nhà máy an toàn và ổn định, đảm bảo tiến độ sửa chữa lớn các nhà máy điện, lưới điện theo kế hoạch;
- Đảm bảo phát điện ổn định NMNĐ Mông Dương 1, Vĩnh Tân 2 góp phần cung cấp điện cho khu vực miền Nam.
- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, an toàn lao động, giảm sự cố, từng bước cải tạo, sửa chữa, thay thế thiết bị nhằm nâng cao chất lượng các hệ thống thiết bị của NMNĐ Vĩnh Tân 2, đảm bảo vận hành tin cậy, ổn định.

- Có chiến lược chào giá trên thị trường phát điện cạnh tranh phù hợp để đạt doanh thu cao nhất.

b) Giải pháp cho công tác đầu tư xây dựng

- Tiếp tục nâng cao năng lực của các Ban QLDA; thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm theo Quy chế phân cấp quyết định đầu tư của Tập đoàn; Điều hành quản lý, giám sát chặt chẽ việc thực hiện của các nhà thầu; kịp thời nghiên cứu đề xuất với các cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ khó khăn vướng mắc để đảm bảo chất lượng và tiến độ theo tình hình thực tế của từng dự án.
- Giải quyết kịp thời các phát sinh, vướng mắc trong quá trình xây dựng tại công trường nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình;
- Giải ngân, thanh toán kịp thời các khối lượng nghiệm thu đạt yêu cầu.
- Đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai các dự án sử dụng năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, năng lượng gió).
- Tìm kiếm cơ hội, lựa chọn địa điểm để triển khai đầu tư dự án nguồn điện mới khi khả năng tài chính được đảm bảo.

c) Các giải pháp nâng cao hiệu quả SXKD và nâng cao NSLĐ

- Thực hiện nâng công suất, phục hồi công suất các tổ máy tuabin khí để tăng hiệu suất, tiết kiệm nhiên liệu và tỷ lệ điện tự dùng.
- Thực hiện các đề án giảm suất tiêu hao than cho các nhà máy nhiệt điện than.
- Thực hiện phục hồi, cải tiến và nâng cấp các thiết bị, hệ thống của các nhà máy điện để nâng cao độ an toàn, ổn định và tin cậy, đặc biệt là NMNĐ Vĩnh Tân 2.
- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành và sản xuất.
- Hoàn thành các đề án cải tạo môi trường, đảm bảo cho các nhà máy vận hành đáp ứng tốt các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường.
- Bố trí kế hoạch sửa chữa lớn các nhà máy điện phù hợp đảm bảo khả năng phát cao nhất trong các tháng cao điểm mùa khô; khai thác hợp lý các hồ chứa để tận dụng tối đa nguồn nước cho sản xuất điện, tránh xả tràn.
- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thực hiện tối ưu hóa chi phí trong sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.
- Tăng cường công tác quản trị dòng tiền trong toàn Tổng Công ty và hướng dòng tiền của các đơn vị thành viên vào việc hỗ trợ phát triển nguồn điện hiệu quả.
- Thực hiện thanh xử lý vật tư thiết bị tồn đọng, kém phẩm chất; thực hiện các giải pháp đồng bộ để giảm giá trị tồn kho nhằm tăng hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

- Thực hiện điều chuyển lao động giữa các đơn vị để tận dụng nguồn nhân lực có kinh nghiệm.
- Tinh giảm, tinh gọn nhân sự, thực hiện lao động thuê ngoài đối với lao động giản đơn.

d) Giải pháp phát triển công tác dịch vụ:

- Tăng cường công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kiểm tra đánh giá, vận hành - sửa chữa bảo dưỡng, gia công phục hồi;
- Hợp tác, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ: Thiết kế, chế tạo, gia công phục hồi, cân bằng động, thí nghiệm, hiệu chỉnh, sửa chữa hướng tới độ tin cậy (Reliability Centered Maintenance - RCM).
- Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tiên tiến phục vụ công tác dịch vụ sửa chữa; Thành lập các trung tâm chuyên sâu như: Đào tạo và nghiên cứu ứng dụng; Thiết kế, chế tạo, gia công phục hồi; Cân bằng động; Thí nghiệm điện.
- Phát triển thị trường, hướng đến việc cung cấp dịch vụ sửa chữa, vận hành dài hạn cho các khách hàng là những nhà máy nhiệt than, nhiệt điện khí, thủy điện trong và ngoài EVN.

XV. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔNG CÔNG TY

Không có.

XVI. CHIẾN LƯỢC, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Về sản xuất kinh doanh nguồn điện hiện có

Đảm bảo phát đủ sản lượng điện kế hoạch và có dự phòng nhất định.

Tối ưu hóa chi phí sản xuất điện. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động.

Tham gia thị trường điện cạnh tranh có hiệu quả theo lộ trình của Chính phủ.

Triển khai thực hiện mô hình sửa chữa tập trung.

2. Về đầu tư nguồn điện mới

Tiếp tục thực hiện triển khai các dự án đầu tư nguồn điện đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công theo quy hoạch điện và Chính phủ.

Đầu tư phát triển các dự án nguồn mới sử dụng công nghệ sạch, đảm bảo môi trường gắn liền với phát triển bền vững.

3. Về công tác tài chính

Sản xuất kinh doanh có lãi, đảm bảo cổ tức bình quân 10 năm cho các cổ đông.

Các chỉ tiêu tài chính được đảm bảo để có thể huy động được nguồn vốn.

4. Về nâng cao phát triển nguồn nhân lực

Đội ngũ CBCNV tiếp tục phát huy năng lực và thế mạnh; thường xuyên được đào tạo; trau dồi và rèn luyện qua thực tế theo hướng chuyên môn hóa. Xây dựng tập thể lao động có tác phong công nghiệp, kỷ luật, kỷ cương.

Nâng cao năng suất lao động và chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn lực kỹ thuật có chuyên môn cao/chuyên gia trong lĩnh vực vận hành-sữa chữa, bắt kịp xu thế phát triển của nền công nghiệp hiện đại, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Triển khai có hiệu quả Đề án sắp xếp, bố trí lao động trong EVNGENCO 3 giai đoạn 2016 - 2020.

5. Về thị trường điện

Thực hiện chào giá tập trung.

Tham gia Thị trường điện bán buôn điện cạnh tranh theo lộ trình.

Góp phần tích cực trong việc xây dựng thành công thị trường điện theo các cấp độ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

6. Về công tác sửa chữa, vận hành các nhà máy

Đẩy mạnh và phát triển mô hình sửa chữa và vận hành thuê với định hướng phát triển như sau:

Đáp ứng nhu cầu sửa chữa chuyên nghiệp cho các NMĐ trong EVNGENCO 3 và cho EVN khi được giao nhiệm vụ; Cung cấp dịch vụ sửa chữa chất lượng cao và vận hành thuê các nhà máy điện.

Là trung tâm đào tạo, thu hút chuyên gia và nguồn nhân lực sửa chữa chất lượng cao; trung tâm nghiên cứu, phát triển và hợp tác quốc tế về công nghệ sửa chữa NMĐ.

Phát triển công tác tư vấn, thiết kế, lắp đặt thiết bị cho các nhà máy điện.

Xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường sửa chữa, nhiệt điện, thủy điện ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

7. Các dự án đang thực hiện nhiệm vụ tư vấn quản lý dự án

+ **Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4:**
  - Tổng mức đầu tư: 40.598 tỷ đồng.
  - Tổ máy 2: phát điện 12/2017.
  - Tổ máy 1: dự kiến phát điện 6/2018.
+ **Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 MR:**
  - Tổng mức đầu tư: 23.927 tỷ đồng.
  - Tổ máy 1: dự kiến phát điện 12/2019.
+ **Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình:**

- Tổng mức đầu tư: 26.595 tỷ đồng.
- Tổ máy 1: dự kiến phát điện 01/2018.
- Tổ máy 2: dự kiến phát điện 4/2018.

- ***Dự án đang triển khai thủ tục đầu tư:***

+ Triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng dự án nhà máy điện mặt trời tại tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, Đắk Lắk.

+ Triển khai thực hiện đầu tư xây dựng Trung tâm Điện lực Khí Long Sơn.

+ Triển khai thực hiện đầu tư xây dựng NMĐ Bà Rịa II.

Ngoài ra, Tổng công ty xem xét triển khai đầu tư một số dự án mới giai đoạn 2018-2027 như sau:

Bảng 24: Kế hoạch đầu tư các dự án điện

STT	Dự án	Công suất (MW)	TMĐT (tỷ VND)	Thực hiện
1	Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 - Bình Thuận	42,65	986	2018÷2020
2	Điện mặt trời trên hồ thủy điện Srêpốk 3	50	1.840	2018÷2020
3	Điện Mặt trời Ninh Phước 7 - Ninh Thuận (Phân kỳ 1 đầu tư trước 50MW trong tổng công suất của nhà máy là 200MW)	50	1.397	2019÷2021
4	Dự án nhà máy điện LNG Long Sơn 1	1.200	24.293	2020÷2025
Tổng cộng		**1.343**	**28.516**	

Nguồn: EVNGENCO 3

XVII. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIỆN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY

1. Vụ kiện Quyết định về giải quyết BTHT GPMB xây dựng công trình: Khu quản lý vận hành các nhà máy thủy điện trên sông Sêrêpôk, đường Mai Xuân Thưởng, phường Thành Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Người khởi kiện: Bà Vương Thị Như Hoa
- Người bị kiện: Chủ tịch UBND TP. Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tổng Công ty Phát điện 3.
- Nội dung khởi kiện: Yêu cầu hủy bỏ quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 17/11/2006 của UBND TP BMT về việc Phê duyệt phương án BTHT GPMB để xây dựng công trình Khu quản lý vận hành các nhà máy thủy điện trên sông Sêrêpôk; Tính lại giá bồi thường hoặc đổi đất khi nhà nước thu hồi đất.
- Tình trạng giải quyết hiện nay: Vụ kiện đã được giải quyết bằng Bản án phúc thẩm số 02/2011/HCPT ngày 22/3/2011 của TAND tỉnh Đắk Lắk.

Theo dó, Tổng Công ty thống nhất với chủ trương của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hình thức bồi thường bằng việc giao đất mới, có diện tích tương đương và cùng mục đích sử dụng cho bà Hoa; Tổng Công ty Phát điện 3 sẽ thực hiện chi trả chi phí phát sinh để thu đất bồi thường cho bà Hoa theo Quyết định phê duyệt phương án bồi thường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (hiện nay chưa có Phương án bồi thường).

2. Vụ kiện Quyết định về giải quyết BTHT GPMB xây dựng công trình: Khu quản lý vận hành các nhà máy thủy điện trên sông Sêrêpôk, đường Mai Xuân Thưởng, phường Thành Nhất, Tp Buôn Ma Thuột

- Người khởi kiện: Bà Ngô Tú Trân và Ông Nguyễn Bá Triệu
- Người bị kiện: Chủ tịch UBND TP. Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tổng Công ty Phát điện 3
- Nội dung khởi kiện: Yêu cầu hủy bỏ quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 17/11/2006 của UBND TP BMT về việc Phê duyệt phương án BTHT GPMB để xây dựng công trình Khu quản lý vận hành các nhà máy thủy điện trên sông Sêrêpôk; Tính lại giá bồi thường hoặc đổi đất khi nhà nước thu hồi đất.
- Tình trạng giải quyết hiện nay: Vụ kiện đã được giải quyết bằng Bản án phúc thẩm số 02/2012/HCPT ngày 20/8/2012 của TAND tỉnh Đắk Lắk.

Theo đó, Tổng Công ty thống nhất với chủ trương của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hình thức bồi thường bằng việc giao đất mới, có diện tích tương đương và cùng mục đích sử dụng cho bà Trân; Tổng Công ty Phát điện 3 sẽ thực hiện chi trả chi phí phát sinh để thu đất bồi thường cho bà Trân theo Quyết định phê duyệt phương án bồi thường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (hiện nay chưa có Phương án bồi thường).

3. Vụ kiện về BTHT GPMB xây dựng công trình thủy điện Srepok 3

- Người khởi kiện: Bà Thái Thị Xuân Lan
- Người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tổng Công ty Phát điện 3
- Nội dung khởi kiện: Huỷ bỏ toàn bộ nội dung Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 3/8/2009 và số 1609/QĐ-UBND ngày 24/9/2009 về phê duyệt phương án BTHT và các Quyết định về giải quyết khiếu nại; Yêu cầu bồi thường đối với diện tích bị thu hồi khu vực đất tái định canh; Bồi thường đối với cây trồng, hoa màu và thiệt hại do hành vi làm trái quy định pháp luật gây ra.
- Tình trạng giải quyết: Vụ kiện đã được giải quyết bằng Bản án số 16/2015/HC-PT ngày 22/9/2015 của TAND tỉnh Đắk Lắk.
  + Thực hiện Bản án số 16/2015/HC-PT, UBND huyện Buôn Đôn ban hành Quyết định số 4047/QĐ-UBND ngày 15/11/2016 về việc phê duyệt phương án BTHT khi nhà nước thu hồi đất tại khu vực tái định canh của bà Thái Thị Xuân Lan. Tổng Công ty Phát điện 3

đã thực hiện chi trả toàn bộ số tiền BTHT theo Quyết định số 4047/QĐ-UBND và bà Lan đã nhận đủ tiền bồi thường.

+ Ngày 23/10/2018, TAND cấp cao tại Đà Nẵng quyết định số 05/2018/KN-HC quyết định kháng nghị giám đốc thẩm Bản án số 16/2015/HC-PT ngày 22/9/2015 của TAND tỉnh Đắk Lắk.

4. Vụ kiện về "Kiện Quyết định phê duyệt phương án bồi thường khi nhà nước thu hồ đất" - công trình thuỷ điện Buôn Tua Srah

- Người khởi kiện: Ông Phạm Ngọc Cân
- Người bị kiện: UBND huyện Lăk tỉnh Đắk Lắk.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tổng Công ty Phát điện 3
- Nội dung khởi kiện: Hủy toàn bộ Quyết định số 2285/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của UBND huyện Lăk về việc phê duyệt phương án BTHT khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Lòng hồ thuỷ điện Buôn Tua Srah; yêu cầu UBND huyện Lắk lập lại phương án chi trả BTHT và lãi suất theo quy định.
- Tình trạng giải quyết: Vụ kiện đã được giải quyết bằng Bản án số 01/2018/HC-ST ngày 03/01/2018 của TAND tỉnh Đắk Lắk và Bản án số 102/2018/HC-PT ngày 29/6/2018 của TACC tại Đà Nẵng.

Theo đó, Tổng Công ty Phát điện 3 sẽ thực hiện chi trả tiền hỗ trợ đất nuôi trồng thủy sản trên diện tích 69.299 m² mặt nước đã bị thu hồi của ông Phạm Ngọc Cân theo theo quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (hiện chưa có quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ).

5. Vụ kiện về Hợp đồng EC dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (vụ kiện số 24/14)

- Người khởi kiện: Tổ hợp Nhà thầu Trung Quốc (Viện Hoa Đông Tập đoàn Quốc và Công thủy điện Trung Tổ ty TNHH Cục Đường sắt Trung Quốc số 18)
- Người bị kiện: Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (VSH), là công ty liên kết của Tổng Công ty Phát điện 3 (Tổng Công ty Phát điện 3 nắm giữ 30.55% vốn điều lệ).
- Nội dung khởi kiện: Tuyên bố rằng việc chấm dứt của Nhà thầu là có hiệu lực và yêu cầu chủ đầu tư bồi thường.
- Tình hình giải quyết:
  + Phiên họp giải quyết tranh chấp lần 1 vụ kiện số 24/14 diễn ra tại Singapore từ ngày 15-19/5/2017. VSH không tham gia phiên họp do phản đối thẩm quyền của HĐTT.
  + HĐTT dự kiến phiên họp giải quyết tranh chấp tiếp theo diễn ra từ ngày 17-18/7/2018, sau đó dời sang ngày 9-10/10/2018 (dời lần 1) và hiện nay được dời đến ngày 11-12/3/2019 (dời lần 2) tại Osaka, Nhật Bản.
  + VSH đã ký hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp lý với Công ty TNHH Tư vấn Luật và Đầu tư Nam Hùng để bảo vệ quyền lợi của VSH trong vụ kiện số 24/14.

PHẦN II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Bảng 25: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Lê	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
2	Đinh Quốc Lâm	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc	
3	Trương Quốc Phúc	Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách	
4	Đỗ Mộng Hùng	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	

Nguồn: EVNGENCO 3

Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT:

1. Ông Nguyễn Văn Lê - Chủ tịch HĐQT

Ông	**:**	**Nguyễn Văn Lê**
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	02/10/1959
Nơi sinh	:	Xã Điện Tiến, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
Số CMND	:	201484448
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Điện Tiến, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
Địa chỉ thường trú	:	18 Lê Duẩn, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Tiến sỹ kỹ thuật hệ thống điện, thạc sỹ hệ thống điện, cử nhân vật lý chuyên nghành điện tử hạt nhân, cử nhân QTKD
Quá trình công tác	:	
- Từ năm 1972 đến năm 1973	:	Làm giao liên bí mật hợp pháp của Ban binh vận tỉnh Quảng Đà
- Từ tháng 01/1974 đến tháng 9/1978	:	Công tác tại mặt trận 4 tỉnh Quảng Đà (Nay là Bộ chỉ huy quân sự Tp. Đà Nẵng)
- Từ tháng 10/1978 đến tháng	:	Học tại Đại học Đà Lạt

11/1983		
- Từ tháng 12/1983 đến tháng 01/1993	:	Đội trưởng đội Thí nghiệm điện của Sở Điện lực tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ tháng 02/1993 đến tháng 8/2004	:	Phó Giám đốc Kỹ thuật - Sản xuất của Trung tâm Thí nghiệm điện 3
- Từ tháng 9/2004 đến tháng 12/2007	:	Phó Trưởng ban Quản lý dự án Thủy điện 3 kiêm Trưởng ban chuẩn bị sản xuất các Nhà máy thủy điện trên sông Vu Gia - Thu Bồn
- Từ tháng 01/2008 đến tháng 08/2012	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện A Vương, Trưởng ban điều hành dự án Thủy điện A Vương
- Từ ngày 05/9/2012 đến ngày 04/9/2017	:	Chủ tịch Tổng Công ty Phát điện 3
- Từ ngày 05/9/2017 đến ngày 30/9/2018	:	Bổ nhiệm lại giữ chức vụ Chủ tịch Tổng Công ty Phát điện 3
Từ ngày 01/10/2018 đến nay	:	Bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty	:	Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty (tại ngày 30/09/2018)	:	424.546.493
Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu cho EVN	:	424.542.093
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	4.400
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ (tại ngày 30/09/2018)	:	Không

2. Ông Đinh Quốc Lâm - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông	**:**	**Đinh Quốc Lâm**
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	19/7/1973
Nơi sinh	:	Xã Đồng Hải, Huyện Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

Số CMND	:	025265528
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Đồng Hải, Huyện Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
Địa chỉ thường trú	:	T4-906, Tòa nhà Vista, 628C Xa Lộ Hà Nội, p. An Phú, Q. 2, Tp. Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Kỹ sư Hệ thống điện
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 01/1996 đến tháng 6/1997	:	Kỹ sư Ban Quản lý dự án các Nhà máy điện Phú Mỹ - Bà Rịa
- Từ tháng 6/1997 đến tháng 8/1998	:	Trưởng ca Vận hành Nhà máy điện Phú Mỹ
- Từ tháng 9/1998 đến tháng 01/2002	:	Phó Quản đốc Phân xưởng Vận hành Nhà máy điện Phú Mỹ
- Từ tháng 02/2002 đến tháng 7/2005	:	Quản đốc Phân xưởng Vận hành 1 Nhà máy điện Phú Mỹ
- Từ 7/2005 đến tháng 4/2006	:	Trợ lý Giám đốc Nhà máy điện Phú Mỹ
- Từ tháng 4/2006 đến tháng 12/2011	:	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ
- Từ tháng 01/2012 đến tháng 8/2012	:	Giám đốc Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ
- Từ tháng 9/2012 đến ngày 30/9/2018	:	Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3
- Từ ngày 01/10/2018 đến nay	:	Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty	:	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty (tại ngày 30/09/2018)	:	318.433.670
Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu cho EVN	:	318.406.570
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	27.100
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ (tại ngày 30/09/2018)	:	Không

3. Ông Trương Quốc Phúc - Thành viên HĐQT chuyên trách

Ông	**:**	**Trương Quốc Phúc**
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	01/10/1961
Nơi sinh	:	Xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp. HCM
Số CMND	:	021470098
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp. HCM
Địa chỉ thường trú	:	183/1 Ấp Tân Thới 3, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Tài chính Kế toán; Đã hoàn thành chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 3/1982 đến tháng 3/1991	:	Nhân viên Kế toán Sở Điện lực Bà Rịa -Vũng Tàu
- Từ tháng 4/1991 đến tháng 3/1993	:	Phó phòng Kế toán Sở Điện lực Bà Rịa -Vũng Tàu
- Từ tháng 4/1993 đến tháng 6/2003	:	Trưởng phòng Kế toán Nhà máy điện Bà Rịa
- Từ tháng 6/2003 đến tháng 6/2009	:	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ
- Từ tháng 6/2009 đến tháng 12/2011	:	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ
- Từ tháng 01/2012 đến tháng 12/2012	:	Chủ tịch Công ty, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ
- Từ tháng 01/2013 đến tháng 9/2018	:	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3
- Từ ngày 01/10/2018 đến nay	:	Thành viên HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty	:	Thành viên HĐQT chuyên trách
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty	:	318.412.970

(tại ngày 30/09/2018)		
Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu cho EVN	:	318.406.570
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	6.400
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ (tại ngày 30/09/2018)	:	Không

4. Ông Đỗ Mộng Hùng - Thành viên độc lập HĐQT

Ông	**:**	**Đỗ Mộng Hùng**
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	30/01/1958
Nơi sinh	:	Phường Đáp Cầu, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Số CMND	:	011735831
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Phường Đáp Cầu, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú	:	Phòng 1 nhà Z9 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Chuyên viên cao cấp Nhiệt điện
Quá trình công tác	:	
- Từ ngày 01/10/1981 đến ngày 15/10/1988	:	Kỹ sư, Phòng Đo lường Tự động nhiệt, Trung tâm Thí nghiệm điện - Công ty Điện lực 1
- Từ ngày 16/10/1988 đến ngày 15/8/1994	:	Kỹ sư, Phó phòng Đo lường Tự động nhiệt, Trung tâm Thí nghiệm điện - Công ty Điện lực 1
- Từ ngày 16/8/1994 đến ngày 31/01/1996	:	Trưởng phòng Kế hoạch, Trung tâm Thí nghiệm điện - Công ty Điện lực 1
- Từ ngày 16/4/1996 đến ngày 15/7/2001	:	Chuyên viên, Ban Kỹ thuật nguồn điện, Tổng công ty Điện lực Việt Nam
- Từ ngày 16/7/2001 đến ngày 15/4/2004	:	Phó Trưởng Ban Kỹ thuật nguồn điện, Tổng công ty Điện lực Việt Nam
- Từ ngày 16/4/2004 đến ngày	:	Trưởng Ban Kỹ thuật nguồn điện, Tổng công ty

21/6/2006		Điện lực Việt Nam
- Từ ngày 22/6/2006 đến ngày 30/9/2008	:	Trưởng Ban Kỹ thuật nguồn điện, Tập đoàn Điện lực Việt Nam
- Từ tháng 9/2003 đến tháng 6/2013	:	Kiêm nhiệm ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh và Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng
- Từ ngày 12/7/2012 đến ngày 11/6/2013	:	Kiêm nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng
- Từ ngày 01/10/2008 đến ngày 30/4/2016	:	Trưởng Ban Kỹ thuật - Sản xuất, Tập đoàn Điện lực Việt Nam
- Từ ngày 01/5/2016 đến ngày 31/01/2018	:	Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Ban An toàn Tập đoàn Điện lực Việt Nam
- Từ ngày 01/02/2018 đến ngày 30/9/2018	:	Nghỉ hưu
- Từ ngày 01/10/2018 đến nay	:	Thành viên độc lập HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty	:	Thành viên độc lập HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty (tại ngày 30/09/2018)	:	Không
Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu cho EVN	:	Không
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ (tại ngày 30/09/2018)	:	Không

II. BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên BKS như sau:

Bảng 26: Danh sách thành viên BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Hùng Minh	Trưởng Ban Kiểm soát

2	Đậu Đức Chiến	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Vũ Hải Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát

Sơ yếu lý lịch các thành viên BKS:

1. Ông Phạm Hùng Minh - Trưởng Ban kiểm soát

Ông	**:**	**Phạm Hùng Minh**
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	06/7/1970
Nơi sinh	:	Bà Rịa - Vũng Tàu
Số CMND	:	270912865 (077070000951)
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Địa chỉ thường trú	:	Số 626, đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố 4, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 02/1992 đến tháng 9/1995	:	Nhân viên Quản lý tài chính tại Phòng Hậu cần kỹ thuật, Bộ đội Biên phòng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cấp bậc: Thượng sỹ
- Từ tháng 10/1995 đến tháng 10/1996	:	Học viên tại trường Trung học Biên phòng II
- Từ tháng 6/1996 đến tháng 5/2000	:	Nhân viên Quản lý tài chính tại Phòng Hậu cần kỹ thuật, Bộ đội Biên phòng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cấp bậc: Chuẩn úy
- Từ tháng 10/2000 đến tháng 12/2007	:	Nhân viên, phòng Vật tư, Công ty **cổ** phần Nhiệt điện Bà Rịa
- Từ tháng 01/2008 đến tháng 3/2011	:	Chuyên viên, phòng Vật tư, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
- Từ tháng 4/2011 đến tháng 12/2012	:	Chuyên viên, phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
- Từ tháng 01/2013 đến tháng 5/2014	:	Phó phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

- Từ tháng 5/2014 đến nay tháng 9/2018	:	Kiểm soát viên chuyên trách của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Tổng Công ty Phát điện 3
- Từ ngày 01/10/2018 đến nay	:	Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty	:	Trưởng Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty (tại ngày 30/09/2018)	:	
Trong đó:		Không
Cổ phần đại diện sở hữu	:	
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ (tại ngày 30/09/2018)	:	Không

2. Ông Đậu Đức Chiến - Thành viên Ban kiểm soát

Ông	**:**	**Đậu Đức Chiến**
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	30/3/1977
Nơi sinh	:	Xã Quỳnh Văn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
Số CMND	:	040077000115
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Quỳnh Văn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
Địa chỉ thường trú	:	số 34 ngách 158/169 phố Ngọc Hà, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Hệ thống điện, Thạc sỹ kỹ thuật điện
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 5/2002 đến tháng 02/2008	:	Nhân viên Quản lý vận hành, sửa chữa TBA 220kV Mai Động, thuộc Công ty Truyền tải điện 1 - EVNNPT

- Từ tháng 3/2008 đến nay	:	Chuyên viên - Ban Quản lý Xây dựng, Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty	:	Chuyên viên - Ban Quản lý Xây dựng
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Thành viên Ban Kiểm soát tại Tổng Công ty phát điện 3 - CTCP
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty (tại ngày 30/09/2018)	:	
Trong đó:		Không
Cổ phần đại diện sở hữu	:	
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ (tại ngày 30/09/2018)	:	Không

3. Bà Vũ Hải Ngọc - Thành viên Ban kiểm soát

Bà	**:**	**Vũ Hải Ngọc**
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	30/7/1971
Nơi sinh	:	Xã Thành Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa
Số CMND	:	038171000046
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Liên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú	:	số 20/686/18 đường Bạch Đằng, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kế toán, Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	:	
- Từ 12/1992 đến 7/1997	:	Nhân viên thu ngân, Công ty Điện lực Ba Đình
- Từ 7/1997 đến 12/2001	:	Nhân viên phòng Kinh doanh, Công ty Điện lực Ba Đình
- Từ 01/2002 đến 15/3/2014	:	Kế toán, Công ty Điện lực Ba Đình

- Từ 01/2005 đến 15/3/2014	:	Phó phòng TCKT, Công ty Điện lực Ba Đình
- Từ 16/3/2014 đến nay	:	Chuyên viên Ban Kiểm soát nội bộ (nay là Ban Kiểm toán nội bộ và giám sát tài chính), Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty	:	Chuyên viên chính Ban Kiểm toán nội bộ và gám sát tài chính
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Thành viên Ban Kiểm soát tại Tổng Công ty phát điện 3 - CTCP
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty (tại ngày 30/09/2018) Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu Cổ phần cá nhân sở hữu	: : :	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ (tại ngày 30/09/2018)	:	Không

III. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý cấp cao của Tổng Công ty như sau:

Bảng 27: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý cấp cao

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đinh Quốc Lâm	Tổng Giám đốc
2	Ông Phan Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc
6	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc

Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc:

1. Ông Đinh Quốc Lâm - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Đã nêu tại Mục I.3 Phần II.

2. Ông Phan Thanh Xuân - Phó Tổng Giám đốc

Ông	**:**	**Phan Thanh Xuân**
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	04/6/1961
Nơi sinh	:	Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Số CMND	:	020311711
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Tân Nhuận Đông, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp
Địa chỉ thường trú	:	Số 56, đường số 1, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Thiết bị điện, Thạc sĩ QTKD
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 11/1983 đến tháng 01/1987	:	Vận hành viên NMĐ Thủ Đức
- Từ tháng 02/1987 đến tháng 8/1996	:	Trưởng ca Vận hành NMĐ Thủ Đức
- Từ tháng 9/1996 đến tháng 5/1997		Cán bộ kỹ thuật Ban chuẩn bị sản xuất NMĐ Phú Mỹ
- Từ tháng 6/1997 đến tháng 01/2002	:	Quản đốc Phân xưởng Vận hành NMĐ Phú Mỹ
- Từ tháng 02/2002 đến tháng 02/2003	:	Trưởng phòng Kỹ thuật - An toàn NMĐ Phú Mỹ
- Từ tháng 03/2003 đến tháng 02/2006		Trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư NMĐ Phú Mỹ
- Từ tháng 02/2006 đến tháng 6/2009	:	Trưởng phòng Tổ chức - Lao động Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
- Từ tháng 6/2009 đến ngày 27/12/2012	:	Phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
- Từ ngày 28/12/2012 đến tháng 9/2018	:	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3
- Từ ngày 01/10/2018 đến nay	:	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP

Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức đăng ký giao dịch	:	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty (tại ngày 30/9/2018)	:	13.500 cổ phần
Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu	:	0
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	13.500 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ (tại ngày 30/9/2018)	:	Không

3. Ông Lê Văn Danh - Phó Tổng Giám đốc

Ông	**:**	**Lê Văn Danh**
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	03/3/1974
Nơi sinh	:	Bệnh viện Đa Khoa, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Số CMND	:	052074000141
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Thôn Gia An, Xã Hoài Châu, Huyện Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú	:	Cư xá Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Điệ n - Điện tử, Thạc sĩ QTKD
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 11/1996	:	Làm việc tại Ban Quản lý Dự án các Nhà máy Điện Phú Mỹ, Bà Rịa (sau này gọi là Ban QLDA Nhiệt điện 3), làm việc ở Bộ phận chuẩn bị sản xuất Nhà máy điện Phú Mỹ

- Từ tháng 12/1996 đến tháng 02/2000	:	Vận hành viên thuộc Nhà máy điện Phú Mỹ
- Từ tháng 03/2000 đến tháng 02/2001		Trưởng kíp vận hành thuộc Nhà máy điện Phú Mỹ
- Từ tháng 03/2001 đến tháng 01/2005	:	Trưởng ca vận hành và chuyên viên C&I (Control & Instrument) thuộc Nhà máy điện Phú Mỹ
- Từ tháng 02/2005 đến tháng 02/2006	:	Phó Quản đốc Phụ trách Phân xưởng Vận hành 1 thuộc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
- Từ tháng 03/2006 đến tháng 12/2011	:	Trưởng Phòng Kế hoạch - Vật tư thuộc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
- Từ tháng 01/2012 đến ngày 27/12/2012	:	Phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
- Từ ngày 28/12/2012 đến tháng 9/2018	:	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3
- Từ ngày 01/10/2018 đến nay	:	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức đăng ký giao dịch	:	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty (tại ngày 30/9/2018)	:	12.000 cổ phần
Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu	:	0
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	12.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ (tại ngày 30/9/2018)	:	Không

4. Ông Cao Minh Trung - Phó Tổng Giám đốc

Ông	**:**	**Cao Minh Trung**
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	18/9/1963
Nơi sinh	:	Xã Mỹ An, Huyện Cái Nhum, Tỉnh Vĩnh Long

Số CMND	:	020302548
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Mỹ An, Huyện Cái Nhum, Tỉnh Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú	:	322 Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy; Thạc sĩ QTKD
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 01/1981 đến tháng 02/1996	:	Kỹ sư sửa chữa NMĐ Chợ Quán
- Từ tháng 03/1996 đến tháng 03/1997	:	Kỹ sư - BQL dự án các NMĐ Phú Mỹ - Bà Rịa
- Từ tháng 04/1997 đến tháng 02/2005	:	Phó Quản đốc Phân xưởng Sửa chữa NMĐ Phú Mỹ
- Từ tháng 02/2005 đến tháng 12/2011	:	Quản đốc Phân xưởng Sửa chữa Cơ - Nhiệt Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
- Từ tháng 01/2012 đến ngày 27/12/2012	:	Phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
- Từ ngày 28/12/2012 đến tháng 9/2018	:	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3
- Từ ngày 18/11/2015 đến nay	:	Được giao nhiệm vụ kiêm nhiệm Giám đốc Công ty EPS
- Từ tháng 10/2018 đến nay	:	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức đăng ký giao dịch	:	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty (tại ngày 30/9/2018)	:	22.300 cổ phần
Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu	:	0
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	22.300 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không

Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ (tại ngày 30/9/2018)	:	Không

5. Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương - Phó Tổng Giám đốc

Ông	**:**	**Nguyễn Thanh Trùng Dương**
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	13/4/1970
Nơi sinh	:	Nại Hiên Tây, Phường Bình Hiên, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Số CMND	:	200996021
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Nại Hiên Tây, Phường Bình Hiên, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú	:	Tổ 77 (Tổ 35 cũ), phường Bình Hiên, Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Kỹ thuật điện, Thạc sỹ Mạng và Hệ thống điện
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 7/1993 đến tháng 11/2004		Công tác tại Trung tâm thí nghiệm điện-Công ty điện lực 3
- Từ tháng 5/2005 đến tháng 8/2007	:	Phụ trách Phòng Kỹ thuật, Ban CBSX, Ban QLDA Thuỷ điện 3
- Từ tháng 8/2007 đến tháng 12/2007	:	Quản đốc Phân xưởng Điện-Tự động, Ban CBSX, Ban QLDA Thuỷ điện 3
- Từ tháng 01/2008 đến tháng 01/2010	:	Quản đốc Phân xưởng Điện-Tự động, Phó Ban QLDA Thuỷ điện A Vương, Công ty Cổ phần Thuỷ điện A Vương
- Từ tháng 01/2010 đến tháng 08/2012	:	Giám đốc Trung tâm Bảo trì thủy điện và DVKT-Công ty CP thủy điện A Vương
- Từ tháng 08/2012 đến ngày 27/12/2012	:	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP thủy điện A Vương
- Từ ngày 28/12/2012 đến tháng	:	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3

9/2018		
- Từ ngày 01/10/2018 đến nay	:	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức đăng ký giao dịch	:	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty (tại ngày 30/9/2018)	:	15.400 cổ phần
Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu	:	0
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	15.400 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ (tại ngày 30/9/2018)	:	Không

6. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Phó Tổng Giám đốc

Bà	**:**	**Nguyễn Thị Thanh Hương**
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	25/8/1977
Nơi sinh	:	Phường Trưng Vương, thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
Số CMND	:	273264874
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã An Thọ, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng
Địa chỉ thường trú	:	Số 41, đường Phạm Thế Hiển, phường 7, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Quản trị kinh doanh công nghiệp và xây dựng cơ bản, Thạc sĩ QTKD
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 6/2001 đến tháng 4/2007	:	Chuyên viên kế toán NMĐ Phú Mỹ

- Từ tháng 5/2007 đến tháng 5/2010	:	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
- Từ tháng 6/2010 đến tháng 11/2012	:	Kế toán trưởng Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
- Từ ngày 28/12/2012 đến tháng 9/2018	:	Kế toán trưởng Tổng Công ty Phát điện 3
- Từ ngày 01/10/2018 đến nay	:	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức đăng ký giao dịch	:	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty (tại ngày 30/9/2018)	:	9.600 cổ phần
Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu	:	0
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	9.600 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ (tại ngày 30/9/2018)	:	Không

IV.KẾ HOẠCH TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Sau khi trở thành công ty đại chúng, Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần sẽ từng bước hoàn thiện các quy định, quy chế nội bộ của Tổng Công ty tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 68/2014QH/13, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và các quy định pháp luật khác có liên quan. Cụ thể, Tổng Công ty sẽ soạn thảo và ban hành Quy chế công bố thông tin và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Về Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng Công ty đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty tại ngày 17/9/2018.

Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ tiến hành xây dựng một số quy trình như quy trình công bố thông tin, triệu tập ĐHĐCĐ, xây dựng cơ chế giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của

Tổng Công ty, giám sát HĐQT, Ban điều hành Tổng Công ty cho phù hợp với tình hình hoạt động thực tế.

PHẦN III. PHỤ LỤC

I. Phụ lục 01: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty

II. Phụ lục 02: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty

III. Phụ lục 03: BCTC đã được kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC 06 tháng đầu năm 2018 của Tổng Công ty

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CÔNG TY CỔ PHẦN

TỔNG GIÁM ĐỐC